SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢN CÁO BẠCH

DATPHUONG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101218757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/03/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 26/04/2018

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 165/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 5 năm 2018)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

SSI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Đạt Phương

Tầng 15, tòa nhà Handico, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 37 830 856 Fax: (84-24) 37 830 859

Website: http://datphuong.com.vn/

Chi nhánh Công Ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại:(84-24) 39366321 Fax: (84-24) 39366311

Website: www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Phạm Quang Bình Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (84-24) 37 830 856 Fax: (84-24) 37 830 859

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101218757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/03/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 26/04/2018

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	**Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đạt Phương**
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Mã chứng khoán:	DPG
Tổng số lượng niêm yết:	29.999.962 cổ phiếu (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi hai cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết:	299.999.620.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI)

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3936 6321 Fax: (84-24) 3936 6311

Website: http://www.ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-24) 37367879 Fax: (84-4) 37367869

Website: http:/a-c.com.vn/

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT 1

1. Rủi ro về kinh tế 1
2. Rủi ro về luật pháp 4
3. Rủi ro đặc thù ngành 4
4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu niêm yết 6
5. Các rủi ro khác 7

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Đạt Phương 8
2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI) 8

III. CÁC KHÁI NIỆM 9

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 11

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 11
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 18
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty 19
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Cơ cấu cổ đông 26
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết 27
6. Hoạt động kinh doanh 29
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 53
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 56
9 Chính sách đối với người lao động 61
10 Chính sách cổ tức 62
11 Tình hình hoạt động tài chính 63
12 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng 72
13 Tài sản thuộc sở hữu Công ty 89
14 Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo 92
15 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 98

16 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết 99
17 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết 99
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 100
1. Loại chứng khoán 100
2. Mệnh giá chứng khoán 100
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 100
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật 100
5. Phương pháp tính giá 102
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 104
7. Các loại thuế có liên quan 105
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT 107
VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN 108
VIII. PHỤ LỤC 109

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các thành tích đã đạt được 13
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty 26
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông 26
Bảng 4: Các thông số chính của Nhà máy Thủy điện Sông Bung 6 33
Bảng 5: Các thông số chính của Dự án Thủy điện Sơn Trà 1A 37
Bảng 6: Các thông số chính của Dự án Thủy điện Sơn Trà 1B 37
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2016 – 2017 38
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất của Công ty năm 2016 – 2017 38
Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ năm 2016 và năm 2017 39
Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty năm 2016 và năm 2017 40
Bảng 11: Nguồn cung cấp nguyên vật liệu phục vụ 41
Bảng 12: Chi phí nguyên vật liệu qua các năm 42
Bảng 13: Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2016 và năm 2017 43
Bảng 14: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2016 và năm 2017 43
Bảng 15: Một số hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện 50
Bảng 16: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ 53
Bảng 17: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty 54
Bảng 18: So sánh tình hình tài chính hợp nhất 2017 với các doanh nghiệp cùng ngành 59
Bảng 19: Cơ cấu lao động 61
Bảng 20: Danh mục tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ qua các năm 62
Bảng 21: Thời gian khấu hao tài sản cố định 63
Bảng 22: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ 64
Bảng 23: Số dư các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất) 64
Bảng 24: Số dư các quỹ tại các thời điểm 65
Bảng 25: Chi tiết số dư khoản vay của Công ty mẹ 65
Bảng 26: Chi tiết số dư các khoản vay hợp nhất 66
Bảng 27: Số dư các khoản phải thu 67
Bảng 28: Số dư các khoản phải trả 68
Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty 69
Bảng 30: Tình hình tài sản hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2017 89
Bảng 31: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang hợp nhất tại 31/12/2017 90
Bảng 32: Danh mục một số máy móc thiết bị có giá trị lớn của Công ty 90

Bảng 33: Danh mục đất đai, bất động sản Công ty đang sở hữu hoặc sử dụng 91
Bảng 34: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018 – 2019 92
Bảng 35: Danh sách hạn chế chuyển nhượng 06 tháng và 01 năm kể từ ngày niêm yết 101
Bảng 36: Giá trị sổ sách 102

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2017 1
Hình 2: Dự báo tăng trưởng Việt Nam và các nước trên thế giới 2
Hình 3: Tỷ lệ lạm phát giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2017 3
Hình 4: Cơ cấu tổ chức Công ty 18
Hình 5: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty 19
Hình 6: Cơ cấu doanh thu hợp nhất của Công ty giai đoạn 2015 – 2017 29
Hình 7: Doanh thu xây dựng giai đoạn 2014 – 2017 30
Hình 8: Hình một số công trình tiêu biểu đã và đang thi công 31
Hình 9: Một số hình ảnh Dự án Thủy điện Sông Bung 6 33
Hình 10: Doanh thu hoạt động kinh doanh điện thương phẩm giai đoạn 2014 – 2017 35
Hình 11: Các đối tác truyền thống của Công ty 56
Hình 12: Khu đô thị Võng Nhi 95
Hình 13: Khu đô thị dịch vụ Đồng Nà, Cẩm Hà, Hội An 96
Hình 14: Khu đô thị Cồn Tiến 97
Hình 15: Khu đô thị Nồi Rang, xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam 97
Hình 16: Khu Dịch vụ nghỉ dưỡng Bình Dương, Quảng Nam 98

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

Công ty Cổ phần Đạt Phương (CTCP Đạt Phương) bao gồm 04 công ty con, hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh: (i) xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi; (ii) đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35kv; và (iii) thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng. Công ty có khả năng đối mặt với những rủi ro sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất,… chính sách kinh tế của Chính phủ sẽ có tác động nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Tăng trưởng kinh tế

Trong năm năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định v.v đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ. Những thay đổi mang tính đột phá về thể chế kinh tế giai đoạn 2015 - 2017, dù chỉ mới là bước đầu, đã có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và CTCP Đạt Phương nói riêng.

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2017

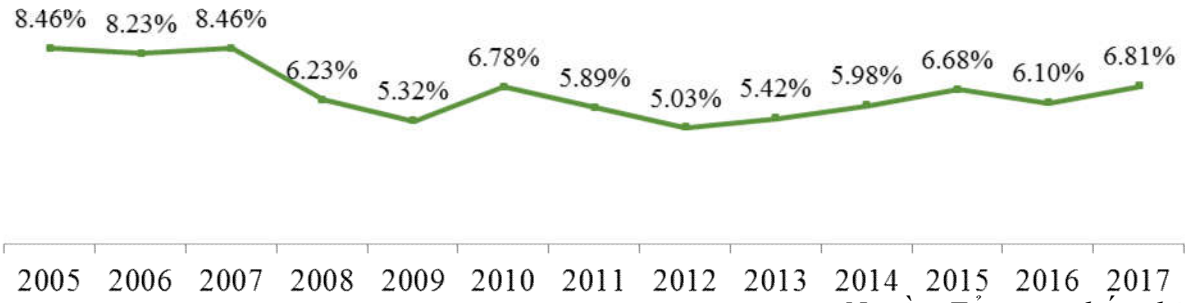

Nguồn: Tổng cục thống kê

Tăng trưởng GDP là nhân tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế và có ảnh hưởng lớn đến ngành dịch vụ. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng lần lượt là 5,98% trong năm 2014; 6,68% trong năm 2015; 6,1% trong năm 2016 và 6,81% trong năm 2017. Tính đến Quý I năm 2018, GDP được dự báo ở mức 7,41%, cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2018 có thể sẽ đạt mức 6,83%,

cao hơn mục tiêu của Chính phủ đề ra là 6,7%, theo dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội quốc gia (Bộ Kế hoạch đầu tư). So với các nước trong khu vực và trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam cũng được dự đoán tăng trưởng vượt bậc. Các diễn biến này cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển vững mạnh, sức mua được cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các ngành đều có những chuyển biến tích cực.

Hình 2: Dự báo tăng trưởng Việt Nam và các nước trên thế giới

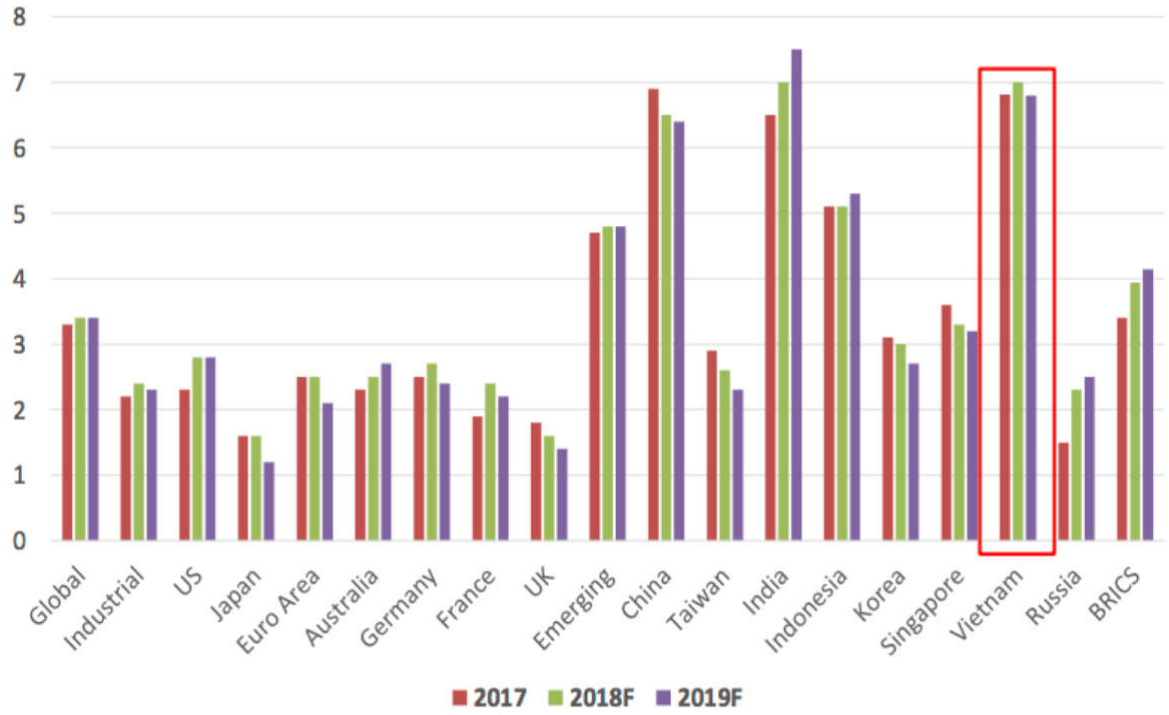

Nguồn: Bộ nghiên cứu Citi

Với kỳ vọng tăng trưởng khả quan như trên thì các doanh nghiệp nói chung và CTCP Đạt Phương nói riêng sẽ có tiềm năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới. Với hoạt động kinh doanh chính tập trung trong lĩnh vực xây dựng, thủy điện và đầu tư kinh doanh bất động sản trong lĩnh vực du lịch, nghỉ dưỡng, tốc độ tăng trưởng kinh tế tốt sẽ tạo hiệu ra hiệu ứng tích cực thúc đẩy hoạt động kinh doanh của CTCP Đạt Phương.

Lạm phát

Giai đoạn 2015-2017, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô. Năm 2018, mục tiêu kiểm soát lạm phát đã được Quốc hội thông qua ở mức khoảng 4%. Đây là thách thức không nhỏ trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước luôn biến động.

Hình 3: Tỷ lệ lạm phát giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2017

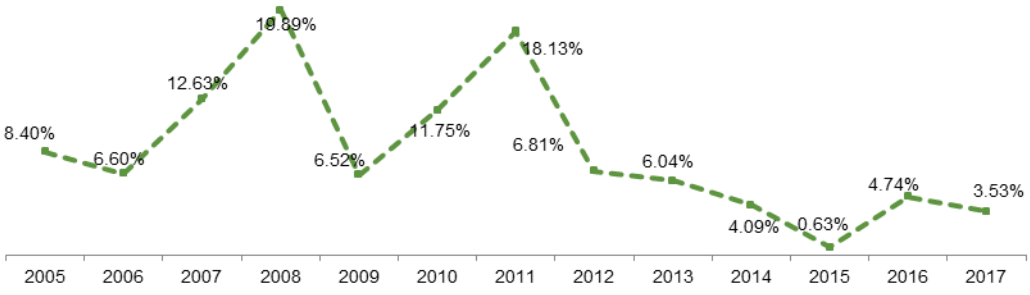

Nguồn: Tổng cục thống kê

Với quan điểm của Chính phủ tiếp tục kiềm chế lạm phát ở mức hợp lý để đảm bảo ổn định và phát triển kinh tế thì rủi ro về lạm phát ở mức cao trong thời gian tới là không đáng lo ngại.

Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong bối cảnh Nhà nước ban hành nhiều gói tín dụng chính sách để hỗ trợ tăng trưởng, lãi suất cho vay thương mại đã liên tục giảm. Đầu năm 2018, các tổ chức tín dụng đã công bố giảm lãi suất cho vay và dự kiến mặt bằng lãi suất trong năm 2018 sẽ ổn định. Tuy nhiên do nhu cầu tín dụng được dự báo ở mức cao để hỗ trợ doanh nghiệp tăng trưởng kinh doanh và triển khai nhiều đầu tư, đặc biệt trong các lĩnh vực bất động sản và sản xuất công nghiệp. Mặc dù vậy, chính sách chung của Ngân hàng Nhà nước là vẫn hướng tới mục tiêu lãi suất thấp để hỗ trợ tăng trưởng, do đó, sẽ điều hành lãi suất linh hoạt, bám sát các cân đối vĩ mô, tiền tệ.

Tại ngày 31/12/2017, tổng dư nợ vay từ các tổ chức tín dụng của Đạt Phương đạt 2.090 tỷ VND, gấp 2,3 lần so với vốn chủ sở hữu. Như vậy với mỗi 1% thay đổi của lãi suất, kết quả hoạt động kinh doanh của Đạt Phương có thể tăng/giảm 20,9 tỷ VND.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng, bất động sản và thủy điện, dòng vốn vay sẽ ảnh hưởng khá nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đứng trước bài toán đó, ban lãnh đạo Công ty đã chủ động đặt ra các phương án nhằm giải quyết bài toán về vốn thông qua việc huy động vốn kêu gọi cho các dự án đầu tư hoặc linh hoạt chuyển đổi các khoản vay nhằm giảm thiểu ảnh hưởng từ việc thay đổi lãi suất.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của công ty. Hiện tại, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh lớn của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và Luật Thuế và các văn bản dưới luật liên quan khác.

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng và tiến tới niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp lý trong lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty liên tục cập nhật những thay đổi về các quy định của luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, Công ty đã xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật..

Nhìn chung, chủ trương của Nhà nước là tạo môi trường kinh tế và pháp lý ngày càng thông thoáng, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, và với ý thức chấp hành pháp luật tốt của Công ty thì rủi ro này thấp, không phải là vấn đề đáng quan ngại.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro trong hoạt động xây dựng giao thông

Các rủi ro chính trong hoạt động xây dựng giao thông bao gồm điều kiện địa chất không lường trước được, biện pháp quản lý thi công và khảo sát kém, nhà thầu thiếu kinh nghiệm, thu hồi vốn từ chủ đầu tư gặp khó khăn, cắt giảm chi tiêu công đối với các dự án hạ tầng...Đối với Công ty Cổ phần Đạt Phương, một đơn vị lớn và có nhiều kinh nghiệm trong việc thi công (các) công trình xây dựng giao thông có chất lượng; việc khảo sát địa chất và thực hiện lựa chọn đơn vị quản lý thi công – khảo sát được thực hiện kỹ càng và kiểm duyệt lựa chọn thầu nghiêm ngặt nên rủi ro được giảm thiểu ở mức thấp nhất. Ngoài ra với chính sách tập trung vào các công trình trọng điểm, đòi hỏi yêu cầu cao về kĩ thuật của Nhà nước và có quy mô lớn, đặc biệt các công trình có sử dụng nguồn vốn vay ODA từ các nước như Nhật Bản hoặc tổ chức thế giới như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á...Đạt Phương đã hạn chế được phần nào rủi ro đến từ các công trình có dòng vốn không ổn định.

Rủi ro trong hoạt động xây dựng thủy lợi

Các công trình thủy lợi nói chung và thủy điện nói riêng tiềm ẩn nhiều rủi ro liên quan đến môi trường và/hoặc giải phóng mặt bằng thi công. Các rủi ro về mặt địa chất hoặc quản lý thi công

kém có thể dẫn đến các sự cố công trình như đứt gãy đập thủy điện...dẫn đến các sự cố môi trường ảnh hưởng đến người dân sinh sống xung quanh khu vực xây dựng.

Đứng trước các rủi ro này, ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện đánh giá khảo sát kỹ lưỡng về mặt địa chất tại các địa điểm thực hiện thi công nhằm giảm thiểu đến mức tối đa các khả năng có thể xảy ra. Ngoài ra Công ty cũng áp dụng các công nghệ và máy móc thiết bị hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật để hạn chế các rủi ro trong quá trình thi công.

Rủi ro về hoạt động kinh doanh điện thương phẩm

Công ty hiện nay có các đơn vị thành viên đang sở hữu 02 dự án thủy điện, bao gồm: (1) Dự án thủy điện Sông Bung 6 (chủ đầu tư là Công ty cổ phần Sông Bung – DPG là công ty mẹ sở hữu 61,32% vốn), (2) Dự án thủy điện Sơn Trà 1A và 1B (chủ đầu tư là Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi - DPG là công ty mẹ sở hữu 67,5% vốn điều lệ), mục đích là để kinh doanh việc bán điện thương phẩm cho Tập đoàn điện lực Việt Nam, vì vậy kết quả kinh doanh của Công ty cũng chịu các rủi ro trong hoạt động kinh doanh điện thương phẩm, cụ thể:

Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) thuộc sở hữu Nhà nước có chức năng sản xuất, truyền tải và phân phối điện, với các chức năng đó hầu như EVN có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành, do đó việc công ty bán điện cho EVN gặp một số rủi ro như:

- Đàm phán, ký kết hợp đồng với EVN: Việc đàm phán hợp đồng với EVN chịu ảnh hưởng bởi yếu tố độc quyền, do đó các điều khoản giữa hai bên được thống nhất phải mất nhiều thời gian. Tuy nhiên, Hợp đồng giữa các đơn vị này với EVN được ký trước khi công trình đi vào phát điện cho nên khi bước vào giai đoạn kinh doanh không bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố này;
- Giá bán điện: Các công trình thủy điện mà tập đoàn Đạt Phương đang sở hữu lớn nhất với công suất 30MW (Sơn Trà 1A: 30MW và Sơn Trà 1B: 30MW) do đó giá bán điện được thực hiện theo biểu giá "*chi phí tránh được của Bộ Công thương ban hành hàng năm*". Luật điện lực sửa đổi đã tạo điều kiện hơn cho việc phát triển các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trong đó có việc ưu tiên về giá bán, vì vậy biểu giá chi phí tránh được hàng năm Bộ Công thương ban hành sẽ đảm bảo mức giá bán hợp lý cho lĩnh vực kinh doanh thủy điện của Công ty.

Ngoài ra, đối với hoạt động kinh doanh điện thương phẩm, Công ty còn phải chịu rủi ro đối với diễn biến thời tiết, đây là một rủi ro đặc thù với các dự án thủy điện. Lượng mưa là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án thủy điện. Trước sự biến đổi khí hậu, Công ty đầu tư cho việc dự báo thời tiết để hoạt động kinh doanh của các dự án thủy điện hiệu quả hơn.

Rủi ro về đầu tư dự án Bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng

Mở rộng hoạt động sang lĩnh vực kinh doanh và phát triển các dự án Bất động sản, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ chịu những ảnh hưởng bởi những rủi ro về đầu tư dự án Bất động sản. Sản phẩm đầu ra của các dự án Công ty dự kiến thực hiện liên quan đến Bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng nên số lượng địa điểm có thể khai thác được cho các bất động sản loại này lại thường bị hạn chế do tính chất vị trí ảnh hưởng đến công năng khai thác. Ngoài ra, doanh thu của nhóm này bị ảnh hưởng rất lớn của chu kỳ tăng trưởng kinh tế và số lượng khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam. Do đó, thời gian qua Công ty đã rất chú trọng đến việc nghiên cứu thị trường (lựa chọn các đơn vị tư vấn có uy tín ở nước ngoài), phân khúc sản phẩm và địa điểm thực hiện dự án chủ yếu tập trung ở Hội An (Quảng Nam) – đây là thị trường rất phát triển về phân khúc bất động sản nghỉ dưỡng, nhu cầu sản phẩm được dự báo là sẽ tăng cao trong thời gian tới vì vậy mà rủi ro này đối với Công ty không đáng lo ngại.

Rủi ro cạnh tranh

Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng giao thông và thủy điện các hoạt động của Công ty chịu cạnh tranh ít nhiều từ các doanh nghiệp đã hoạt động lâu năm trong ngành. Rủi ro cạnh tranh trong ngành xây dựng giao thông là không tránh khỏi, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khi tình hình nợ công cao, việc đầu tư cho hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 – 2020 rất hạn chế và giảm nhiều so với các năm trước. Tuy nhiên với năng lực kinh nghiệm và chiến lược đầu tư vào các dự án trọng điểm mang tính quốc gia hoặc các dự án có nguồn vốn ODA từ Nhật Bản hoặc các tổ chức như Ngân hàng Thế giới, hoạt động của Công ty đã tạo được sự tin tưởng từ các đối tác và có lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ trong ngành.

4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu niêm yết

Cổ phiếu DPG niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các cổ đông có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, nâng cao việc chuẩn mực hóa quản trị và tăng tính minh bạch cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu DPG sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, một điều rất quan trọng là giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

5. Các rủi ro khác

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động phần nào đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lụt, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Đạt Phương

Ông **Lương Minh Tuấn** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **Phạm Quang Bình** Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà **Đỗ Thị Thu** Chức vụ: Phụ trách phòng Kế toán

Ông **Vũ Văn Phi** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)

Bà **Nguyễn Ngọc Anh** Chức vụ: Giám đốc Phụ trách Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư phía Bắc

(Giấy ủy quyền số: 03/2014/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ký ngày 17/10/2014)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đạt Phương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đạt Phương cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức niêm yết	:	Công ty Cổ phần Đạt Phương ("DPG")
Điều lệ	:	Điều lệ của Công ty Cổ phần Đạt Phương đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
Vốn điều lệ	:	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp
Cổ phần	:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
Cổ phiếu	:	Chứng chỉ do CTCP Đạt Phương phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần
Người có liên quan	:	Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: - Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty; - Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty; - Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp; - Người quản lý doanh nghiệp; - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia. - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát; - Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thâu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 62/2010/QH 12 ngày 24/11/2010 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BĐS	:	Bất động sản
BKS	:	Ban kiểm soát
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
Công ty/ Đạt Phương/DPG	:	Công ty Cổ phần Đạt Phương
CTCP	:	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
DTT	:	Doanh thu thuần
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HSX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí minh
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
MTV	:	Một thành viên
n/a	:	không áp dụng
SSI	:	Chi nhánh CTCP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNCN	:	(thuế) Thu nhập cá nhân
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
VND	:	Đồng Việt Nam
Vốn CSH	:	Vốn chủ sở hữu

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về Công ty

- Tên Công ty bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**
- Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài : DAT PHUONG JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : DAT PHUONG JSC
- Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Handico, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội
- Điện thoại : (84-24) 37 830 856
- Fax : (84 24) 37 830 859
- Website : http://datphuong.com.vn/
- Logo công ty :
- Mã số thuế : 0101218757
- Vốn điều lệ hiện tại : 299.999.620.000 đồng (Hai trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng)
- Mã chứng khoán : DPG
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 16/08/2007
- Giấy chứng nhận ĐKDN 0101218757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 26 tháng 04 năm 2018
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Thi công, xây lắp các công trình giao thông, thủy lợi; Xây dựng và lắp đặt các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35 KV

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện
Năm 2002	Công ty cổ phần xây dựng và vận tải Đạt Phương được thành lập với số vốn điều lệ đăng ký là 10 tỷ đồng và 6 cổ đông sáng lập. 25/05/2002, Công ty thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ theo vốn thực góp của các cổ đông sáng lập là 2,2 tỷ đồng.
Năm 2005	Là năm bước từ giai đoạn thầu phụ sang giai đoạn nhà thầu thi công chính ký hợp đồng trực tiếp với nhà đầu tư và cũng đủ năng lực tham gia đấu thầu (công trình đấu thầu chính là cầu Buôn Trai và Dự án Quốc lộ 14C) và đổi tên công ty thành "Công ty Cổ phần Đạt Phương" theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 27/09/2005.
Năm 2007	Ngày 16/08/2007 đánh dấu một bước phát triển mới của Công ty khi Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.
Năm 2008	Là năm bước ngoặt của Công ty khi mà với năng lực thi công còn chưa có kinh nghiệm, nhưng Công ty đã chứng minh thành công qua công trình Cầu Trái Hút (Yên Bái) là cầu có vốn đầu tư lớn nhất tỉnh Yên Bái lúc bấy giờ và cũng là công trình có công nghệ phức tạp (đúc hẫng cân bằng với khẩu độ 150m). Thể hiện một công ty non trẻ nhưng đã thể hiện được tầm vóc và khát vọng đạt những kết quả cao hơn, tốt đẹp hơn.
Năm 2010	Là năm công ty có bước đột phá trong lĩnh vực đầu tư và thi công xây lắp. Thông qua công trình thủy điện Sông Bung 6 – Quảng Nam (là công trình thủy điện đầu tiên của Công ty vừa đầu tư vừa thi công xây lắp với tổng công suất là 30MW, tổng vốn đầu tư gần 700 tỷ đồng. Tuy chỉ là thủy điện nhỏ nhưng chứa đựng một sự bứt phá trong tư duy của người dẫn đầu, năng lực của cả đội ngũ nhân lực thực hiện dự án hoàn thành tiến độ để đưa vào khai thác hiệu quả).
Năm 2012	Thi công cầu Cửa Đại – Quảng Nam, công trình cầu trọng điểm của đất nước, với công nghệ phức tạp (Thi công cọc khoan nhồi đường kính lớn nhất Việt Nam 2m và bệ, thân trụ lớn). Công trình đã chứng tỏ năng lực vượt trội của Công ty và Công ty đã nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Trong năm 2013 doanh thu Công ty bứt phá lên cột mốc trên 1.000 tỷ đồng, lọt vào top 500 DN tư nhân lớn nhất Việt Nam.

Thời gian	Sự kiện
Năm 2014	Thi công dự án liên kết với nhà thầu nước ngoài, cụ thể công trình cầu Niệm 2 và đường dẫn (Hải Phòng) với giá trị hợp đồng 700 tỷ đồng, liên kết với nhà thầu OHL Tây Ban Nha (một nhà thầu nước ngoài uy tín tại Việt Nam).
Năm 2015	Tiếp tục mở rộng đầu tư các dự án thủy điện phức tạp hơn bằng việc đầu tư xây dựng công trình thủy điện Sơn Trà 1 (một công trình thủy điện có hầm dẫn dòng thuộc loại dài tại Việt Nam hơn 7,3km hầm và thi công trong thời gian ngắn 3 năm, dự kiến hoàn thành phát điện vào Quý II/2018), số vốn hơn 2.000 tỷ đồng thể hiện tầm vóc của Đạt Phương năng động, uy tín và chuyển biến linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
Năm 2016	Công ty đã tăng quy mô, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng vốn điều lệ. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2016, tổng mức vốn điều lệ thực góp của Công ty là 65.876.520.000 đồng. Sau 15 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Đạt Phương, với phương châm "Mang hài lòng đến bạn", đã khẳng định được năng lực và uy tín trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, thuỷ điện trong nước và dần vươn ra tầm quốc tế.
Năm 2017	Nhận giải thưởng top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và top 50 doanh nghiệp suất sắc nhất Việt Nam do VNR bình chọn Ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng với BIDV chi nhánh Thăng Long với hạn mức năm 2017 – 2018: 1200 tỷ đồng. Thực hiện hợp long cầu Đế Võng thuộc Dự án xây dựng Cầu Đế Võng và đường dẫn theo hợp đồng xây dựng - chuyển giao Hợp tác với Kiến trúc sư Võ Trọng Nghĩa và Mia Design Studio lên thiết kế cho Khu đô thị Võng Nhi

1.3 Các thành tích đã đạt được

Bảng 1: Các thành tích đã đạt được

STT	Danh hiệu, giải thưởng	Đơn vị bình chọn, trao tặng
1	Top 50 doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất năm 2015	Báo Vietnamnet & Vietnam Report JSC

STT	Danh hiệu, giải thưởng	Đơn vị bình chọn, trao tặng
2	Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2013, 2014	Báo Vietnamnet & Vietnam Report JSC
3	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2010, 2012	Báo Vietnamnet & Vietnam Report JSC
4	Bằng khen của Chủ tịch UBND TP. HCM (đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng cầu Thủ Thiêm)	UBND TP.HCM
5	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải (đã có nhiều thành tích trong tham gia xây dựng dự án cầu Bến Thủy)	Bộ Giao thông Vận tải
6	Bằng khen của Chủ tịch UBND TP. HCM (đã có nhiều thành tích thành trong công tác tổ chức, thi công 02 công trình cầu vượt bê tông cốt thép tại 02 nút giao thông tại các giao lộ 1A – Tỉnh lộ 10B)	UBND TP.HCM
7	Giấy khen của Sở GTVT TP. HCM (đã có nhiều thành tích trong công trình xây dựng cầu An Nghĩa – huyện Cần Giờ)	Sở GTVT TP.HCM
8	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang (đã có thành tích trong thực hiện dự án xây dựng cầu giao thông trên QL1 đúng tiến độ)	UBND tỉnh Tiền Giang
9	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện dự án cầu Yên Hoành - tỉnh Thanh Hóa)	UBND tỉnh Thanh Hóa
10	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre (lập thành tích xuất sắc trong tham gia xây dựng 10 cầu trên đường tỉnh 883, huyện Bình Đại, Bến Tre)	UBND tỉnh Bến Tre
11	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái (có thành tích xuất sắc trong đầu tư xây dựng cầu Trái Hút)	UBND tỉnh Yên Bái
12	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng công trình cầu Chợ Kinh, đường tỉnh 940, tỉnh Sóc Trăng)	UBND tỉnh Sóc Trăng
13	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam (có thành tích thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng Thủy điện Sông Bung 6)	UBND tỉnh Quảng Nam

STT	Danh hiệu, giải thưởng	Đơn vị bình chọn, trao tặng
14	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang (có thành tích trong công tác thi công các cầu trên tuyến đường tỉnh 941)	UBND tỉnh An Giang
15	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum (có thành tích xuất sắc trong quá trình thi công cầu tạm Kon BRai, QL24)	UBND tỉnh Kon Tum

1.4 Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm	Vốn đăng ký thay đổi	VĐL đăng ký sau thay đổi	VĐL thực góp	Đơn vị phê duyệt
12/03/2002	-	10.000.000.000	2.200.000.000	Sở KH&ĐT Hà Nội
25/06/2002	(7.800.000.000)	2.200.000.000	2.200.000.000	Sở KH&ĐT Hà Nội
01/03/2004	2.800.000.000	5.000.000.000	Tại 31/12/2004: 4,113 tỷ	Sở KH&ĐT Hà Nội
27/09/2005	11.000.000.000	16.000.000.000	Tại 31/12/2005: 12,726 tỷ Tại 31/12/2006: 14,179 tỷ Tại 30/03/2007: 16 tỷ	Sở KH&ĐT Hà Nội
16/04/2007	4.072.940.000	36.000.000.000	Tại 31/12/2007: 20.072.940.000	Sở KKH&ĐT Hà Nội
Công ty hoàn thành việc đăng ký Công ty đại chúng vào ngày 16/8/2007. Ngày 16 tháng 08 năm 2007, Công ty được ỦBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng. Công ty đã giải trình toàn bộ các đợt tăng vốn trước đó với UBCKNN và UBCKNN không có ý kiến phản đối về vốn điều lệ của Công ty. Từ năm 2004 đến năm 2009 Công ty thực hiện đăng ký thay đổi GCNĐKDN trước khi tăng vốn, do vậy vốn điều lệ thực góp luôn nhỏ hơn vốn đăng ký. Tới tháng 04/2010, Công ty thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKKD theo số vốn thực góp tại thời điểm đó là 30.288.220.000 VNĐ				

Thời điểm	Vốn đăng ký thay đổi	VĐL đăng ký sau thay đổi	VĐL thực góp	Đơn vị phê duyệt
Sau khi được chấp thuận Công ty đại chúng (từ tháng 8/2007 đến nay)				

Thời điểm	Vốn đăng ký thay đổi	VĐL đăng ký sau thay đổi	VĐL thực góp	Đơn vị phê duyệt	Hình thức tăng vốn
Năm 2008	4.014.580.000	Không thay đổi	24.087.520.000	UBCKNN	Trả cổ tức bằng cổ phiếu hiện hữu tỷ lệ 12% vốn điều lệ Chào bán cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 8% vốn điều lệ
Năm 2008	952.760.000	Không thay đổi	25.040.280.000	UBCKNN	Chào bán riêng lẻ trị giá 952,76 tỷ
Năm 2009	5.247.940.000	30.288.220.000	30.288.220.000	UBCKNN	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 20% vốn điều lệ; Chào bán riêng lẻ 24.000 cổ phiếu
Năm 2010	15.144.030.000	45.432.250.000	45.432.250.000	UBCKNN	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện

Thời điểm	Vốn đăng ký thay đổi	VĐL đăng ký sau thay đổi	VĐL thực góp	Đơn vị phê duyệt	Hình thức tăng vốn
					hữu tỷ lệ 50%
Năm 2011	20.444.270.000	65.876.520.000	65.876.520.000	UBCKNN	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 45%
Năm 2017	52.700.860.000	118.577.380.000	118.577.380.000	UBCKNN	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 30% Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 50%
Năm 2018	181.422.240.000	299.999.620.000	299.999.620.000	UBCKNN	Phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 153%

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 4: Cơ cấu tổ chức Công ty

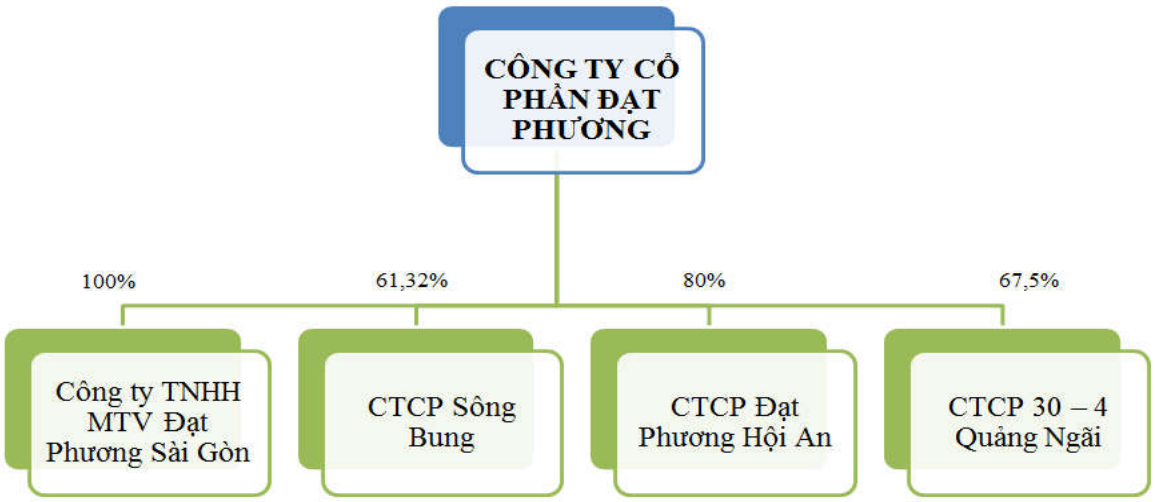

Nguồn: CTCP Đạt Phương

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có 04 công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Số 51-53, Đường số 16, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sông Bung	Tầng 7, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xây dựng các công trình giao thông; Kinh doanh điện năng	61,32%	61,32%	61,32%	61,32%
Công ty Cổ phần Đạt	Khu tái định cư Tân Thịnh – Tân Mỹ,	Kinh doanh bất động sản, dịch	80%	80%	80%	80%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phương Hội An	phường Cẩm An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	vụ cho thuê văn phòng, nhà ở				
Công ty Cổ phần 30 – 4 Quảng Ngãi	174 đường 30/4 phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện, sản xuất truyền tải và phân phối điện	67,5%	66,74%	67,5%	66,74%

Thông tin thêm về các công ty con được trình bày tại mục 5 dưới đây.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Hình 5: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

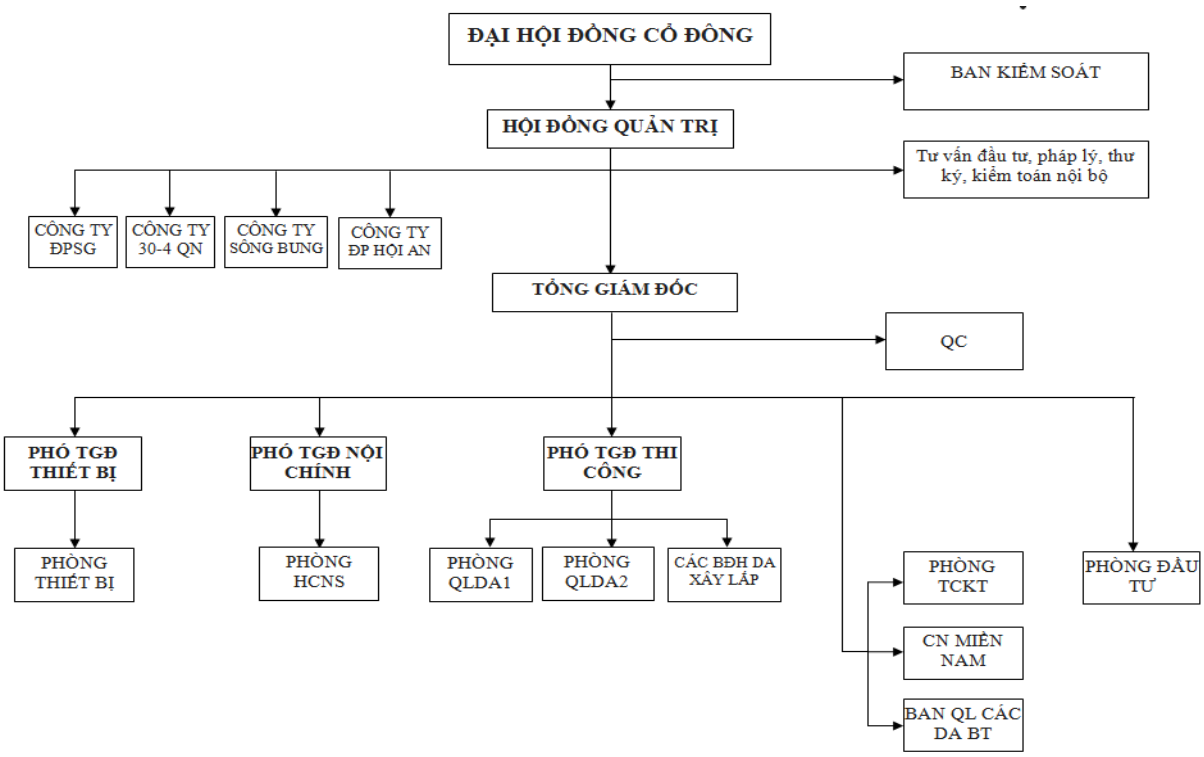

Nguồn: CTCP Đạt Phương

Công ty Cổ phần Đạt Phương được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Cấu trúc Công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động. Hiện tại, cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm có.

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Theo Điều lệ, Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền. Theo Điều lệ, Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Điều lệ Công ty;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điều 60 của Điều lệ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các vị trí quan trọng của Công ty gồm: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các phòng nghiệp vụ công ty và Giám đốc các bộ phận trực thuộc; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên với thông tin cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lương Minh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Phạm Kim Châu	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
2	Phạm Quang Bình	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
4	Trần Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
5	Lương Thị Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị

Nguồn: Công ty Cổ phần Đạt Phương

Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hiện tại, Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Văn Phi	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Thị Hồng Điệp	Thành viên Ban kiểm soát

Nguồn: Công ty Cổ phần Đạt Phương

Ban Tổng Giám đốc

Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết thông qua một cách hợp thức. Các thành viên Ban Tổng giám đốc của Công ty tại thời điểm lập Bản cáo bạch này bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Quang Bình	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Phạm Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT
3	Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
3	Lê Ngọc Hào	Phó Tổng Giám đốc
5	Trần Thái Lợi	Phó Tổng Giám đốc
6	Ngô Đức Tình	Phó Tổng Giám đốc

Nguồn: Công ty Cổ phần Đạt Phương

Người phụ trách phòng kế toán hiện nay là bà Đỗ Thị Thu

Các phòng ban nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

02 Phòng Quản lý dự án: Tham mưu cho Tổng giám đốc công ty về công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng, an toàn lao động; về công tác điều hành quản lý việc triển khai thi công các dự án; về việc quản lý, cấp phát vật tư phục vụ triển khai thi công các dự án; về đầu tư chiều

sâu, đổi mới công nghệ, công tác đào tạo phục vụ nâng cao chất lượng, chất lượng quản lý, cụ thể:

- Chịu trách nhiệm chính trong công tác lập hồ sơ đấu thầu, hồ sơ chào thầu đối với các công trình xây lắp.
- Chịu trách nhiệm chính, phối hợp với các bộ phận liên quan nghiên cứu thương thảo hợp đồng thi công, thanh lý hợp đồng, bổ sung, gia hạn (nếu có) với chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính.
- Chịu trách nhiệm chính, phối kết hợp với các bộ phận liên quan trong việc lựa chọn và thương thảo hợp đồng giao khoán, thanh lý hợp đồng, bổ sung, gia hạn (nếu có) với các nhà thầu phụ, với các đơn vị thi công trong Công ty.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị để lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, Công nghệ, Biện pháp thi công, các đệ trình thay đổi của dự án trình Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, nhà thầu chính (nếu có).
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị để lập biện pháp tổ chức thi công nội bộ, tìm biện pháp tối ưu để đáp ứng tiến độ, chất lượng, hạ giá thành và an toàn lao động.
- Giám sát chất lượng kỹ thuật, ATLĐ các công trình do công ty ký hợp đồng, kết hợp với các đơn vị để xử lý các phát sinh về kỹ thuật, khối lượng làm cơ sở thanh quyết toán các công trình.
- Chịu trách nhiệm chính, phối kết hợp các đơn vị thi công lập hồ sơ hoàn công, hồ sơ thanh quyết toán, nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính), với các đơn vị thi công của công ty (kể cả thầu phụ), lưu giữ hồ sơ hoàn công.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc công ty về việc tổ chức triển khai thi công các công trình, kiểm soát chất lượng, tiến độ, khối lượng, giá thành các dự án thi công trong quá trình thực hiện.
- Các nhiệm vụ cụ thể khác do Ban Tổng Giám đốc giao.

Phòng Thiết bị: Tham mưu cho Tổng giám đốc công ty về công tác quản lý thiết bị, đầu tư đổi mới thiết bị; về đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, công tác đào tạo phục vụ nâng cao năng lực, chất lượng quản lý. Cụ thể:

- Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác mua sắm, thanh lý, đổi mới các máy móc, thiết bị.
- Nắm chắc và ghi chép chính xác lý lịch của các đầu thiết bị, theo dõi hoạt động và diễn biến của thiết bị; việc theo dõi, quản lý số lượng, chất lượng các thiết bị theo từng thời điểm tại các đơn vị để điều động thiết bị cho phù hợp với nhiệm vụ sản xuất của từng đơn vị, công trường.

- Biên soạn, hướng dẫn các quy trình, quy phạm kỹ thuật về việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, sử dụng thiết bị, máy móc và phổ biến tới từng công nhân vận hành. Biên soạn và hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt các quy định về quản lý thiết bị.
- Lập kế hoạch sửa thường xuyên, sửa chữa lớn các máy móc thiết bị. Chủ trì việc sửa chữa máy móc thiết bị đảm bảo chất lượng, hiệu quả.
- Các nhiệm vụ cụ thể khác do Ban Tổng giám đốc giao.

Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong công tác quản lý tài chính, kế toán về định hướng đầu tư, hoạch định thị trường tài chính.

Công tác hạch toán kế toán

- Tổ chức công tác hạch toán, lập báo cáo tài chính trong toàn Công ty.
- Thực hiện hạch toán và tổng hợp quyết toán tập trung toàn Công ty bao gồm: Hạch toán chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí quản lý và các phát sinh khác; Hạch toán doanh thu, giá thành, lãi lỗ; Hạch toán các loại vốn quỹ; Hạch toán các khoản thanh toán, trích nộp.
- Lưu trữ, bảo quản hồ sơ chứng từ, tài liệu kế toán. Cung cấp thông tin tài chính theo quy định.
- Phối hợp cùng các phòng liên quan xây dựng, hướng dẫn công tác tài chính kế toán, hạch toán kinh doanh toàn Công ty.

Công tác khác

- Tập hợp, theo dõi, xử lý, phát hành cổ phần, cổ phiếu, cổ tức của các nhà đầu tư.
- Phối kết hợp với các bộ phận liên quan trong việc lập quyết toán các công trình với chủ đầu tư, nhà thầu chính và các đơn vị thi công của Công ty (kể cả thầu phụ).
- Trực tiếp theo dõi, quản lý phần vốn góp của Công ty khi liên danh với các nhà đầu tư khác hoặc đầu tư mua cổ phần ở Công ty khác.

Phòng Hành chính – Nhân sự: Tham mưu giúp Tổng giám đốc trong công tác tổ chức, công tác cán bộ, công tác lao động, tiền lương, công tác an toàn bảo hộ lao động, công tác thi đua khen thưởng, quảng bá hình ảnh và công tác hành chính đời sống.

Phòng Đầu tư: Tham gia xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm, trung và dài hạn của Công ty, xây dựng nhu cầu nguồn vốn hàng năm. Đánh giá tình hình hoạt động đầu tư của Công ty hàng tháng/quí/ năm và thực hiện chế độ báo cáo theo qui định.

- Là đầu mối trong công tác tìm kiếm dự án mới. Tìm hiểu thị trường, nghiên cứu các qui định của pháp luật để tìm kiếm cơ hội và xúc tiến đầu tư với các nhà đầu tư trong và ngoài nước trên cơ sở tuân thủ qui định của Pháp luật và của Công ty.
- Công tác quản lý quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư đưa dự án vào khai thác sử dụng, cụ thể:

- Chủ trì xây dựng và lập phương án kinh doanh, phương án đầu tư của dự án.
- Tổ chức thẩm tra, thẩm định các hồ sơ tài liệu đầu tư dự án, phân tích rủi ro, hiệu quả kinh tế từ đó đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án.
- Triển khai các thủ tục pháp lý liên quan đến công tác triển khai dự án bao gồm: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, và kết thúc đầu tư theo đúng qui định của Pháp luật hiện hành và của Công ty.
- Tham mưu cho HĐQT, Tổng giám đốc về công tác quản lý chi phí đầu tư (kể cả các dự án do công ty thành viên làm Chủ đầu tư) bao gồm: Tổng mức đầu tư, Tổng dự toán, phân chia gói thầu.
- Chủ trì phối kết hợp với Ban quản lý dự án, Ban điều hành công ty con trong việc lựa chọn nhà thầu, đàm phán các Hợp đồng tư vấn, xây dựng, dịch vụ và kiểm soát quá trình thực hiện các Hợp đồng trên.
- Công tác quản lý dự án sau đầu tư:
- Tham mưu cho lãnh đạo công ty trong công tác quản lý khai thác, sử dụng và vận hành dự án sau đầu tư (bao gồm vận hành khai thác sử dụng, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu...).
- Phối kết hợp với Ban quản lý dự án, Ban điều hành công ty con trong việc quản lý, kiểm soát các đơn vị quản lý được công ty thuê hoặc ủy quyền quản lý khai thác các sản phẩm sau đầu tư

Chi nhánh, Ban điều hành dự án: Giúp Tổng giám đốc công ty trong việc quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu vực hoặc dự án được giao phụ trách.

- Trực tiếp quản lý về mọi hoạt động của các đơn vị trực thuộc Chi nhánh, Ban điều hành.
- Chủ động đề xuất với Lãnh đạo công ty các biện pháp quản lý, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất của Chi nhánh, Ban điều hành cũng như ở các đơn vị trực thuộc.
- Trực tiếp quan hệ, làm việc với các cấp địa phương, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tư vấn, các cơ quan liên quan để giải quyết các công việc liên quan đến nhiệm vụ được giao.
- Nhiệm vụ cụ thể do Tổng giám đốc giao.

Các Đội thi công:

- Là đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh, được giao khoán tự hạch toán hoặc không giao khoán, có nhiệm vụ thi công một số hạng mục hoặc toàn bộ dự án, công trình cầu – đường hoặc các nhiệm vụ được giao khác.
- Công ty giao nhiệm vụ thi công một phần hoặc toàn bộ công trình cho đơn vị thi công bằng quyết định giao việc hoặc hợp đồng giao khoán.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/ VĐL
1.	Lương Minh Tuấn	PHÒNG 2010 D2, TÒA NHÀ MANDARIN GARDEN, HOÀNG MINH GIÁM, CẦU GIẤY	001070002520 do CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp cấp ngày 24/11/2014	4.782.694	15,94%
2.	Lương Thị Thanh	P2512 NHÀ CT2 CHUNG CƯ NGÔ THÌ NHẬM, HÀ CẦU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	001159002244 do CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp cấp ngày 18/12/2014	2.726.530	9,09%
3.	Phạm Kim Châu	T2401 HANCORP PLAZA, 72T TRẦN ĐĂNG NINH, DỊCH VỌNG, CẦU GIẤY, HÀ NỘI	040062000201 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 12/10/2016	1.990.227	6,63%
4.	Trần Anh Tuấn	217 – A4 TT Đại học Luật, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	012661114 do CA Hà Nội cấp ngày 29/06/2009	1.732.730	5,78%

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Đạt Phương tại ngày 24/04/2018

4.2. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	**Cổ đông tổ chức**	**4**	**2.312**	**0,008%**
	Trong nước	3	946	0,003%
	Nước ngoài	1	1.366	0,005%
II	**Cổ đông cá nhân**	**1.236**	**29.997.650**	**99,992%**

	Trong nước	1.235	29.992.186	99,974%
	Nước ngoài	1	5.464	0,018%
III	**Tổng cộng**	**1.240**	**29.999.962**	**100,00%**

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Đạt Phương tại ngày 24/04/2018

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hay chi phối CTCP Đạt Phương

Không có

5.2. Công ty con và công ty có vốn góp của Tổ chức phát hành

Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn

- Địa chỉ : Số 51-53, Đường số 16, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ : 5.000.000.000 đồng
- GCN ĐKDN : số 0310295378 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 09 năm 2010
- Hoạt động kinh doanh chính : Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi
- Tỷ lệ DPG nắm giữ : 100% vốn điều lệ.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả năm 2017
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	191.667
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.090

Công ty Cổ phần Sông Bung

- Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Vốn điều lệ : 190.000.000.000 đồng
- GCN ĐKDN : số 01030542893 ngày 09 tháng 3 năm 2009, thay đổi lần 12 ngày 14 tháng 12 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp
- Hoạt động kinh doanh chính : Đầu tư, khai thác công trình thủy điện Sông Bung 6, tỉnh Quảng Nam; xây dựng.
- Tỷ lệ DPG nắm giữ : 61,32% vốn điều lệ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của CTCP Sông Bung trong năm 2017 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả năm 2017
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	423.669
	- Doanh thu bán điện	Triệu đồng	140.653
	- Doanh thu hoạt động xây lắp	Triệu đồng	283.016
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	86.511

Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An

- Địa chỉ : Khu tái định cư Tân Thịnh – Tân Mỹ, phường Cẩm An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam
- Vốn điều lệ : 110.000.000.000 đồng
- GCN ĐKDN : số 4001115346 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 10 tháng 7 năm 2017 và thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 12 năm 2017
- Hoạt động kinh doanh chính : Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở
- Tỷ lệ DPG nắm giữ : 80% vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An đầu tư, kinh doanh các khu đô thị tại Hội An, Quảng Nam. Năm 2017, Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An bắt đầu triển khai các hạng mục của dự án. Dự kiến trong năm 2018 sẽ bắt đầu mở bán đợt đầu tiên các sản phẩm của dự án.

Công ty Cổ phần 30 – 4 Quảng Ngãi

- Địa chỉ : 174 đường 30/4 phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- Vốn điều lệ : 315.000.000.000 đồng
- GCN ĐKDN : số 4300506732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần 5 ngày 29 tháng 11 năm 2017
- Hoạt động kinh doanh chính : Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện, sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Tỷ lệ DPG nắm giữ : 67,5% vốn điều lệ

Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi là Chủ đầu tư dự án thủy điện Sơn Trà 1A, Sơn Trà 1B. Hiện nay công trình đang hoàn thiện các công việc cuối cùng để chạy thử việc phát điện vào tháng 06/2018.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ chủ yếu của công ty

6.1.1. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty

Hình 6: Cơ cấu doanh thu hợp nhất của Công ty giai đoạn 2015 – 2017

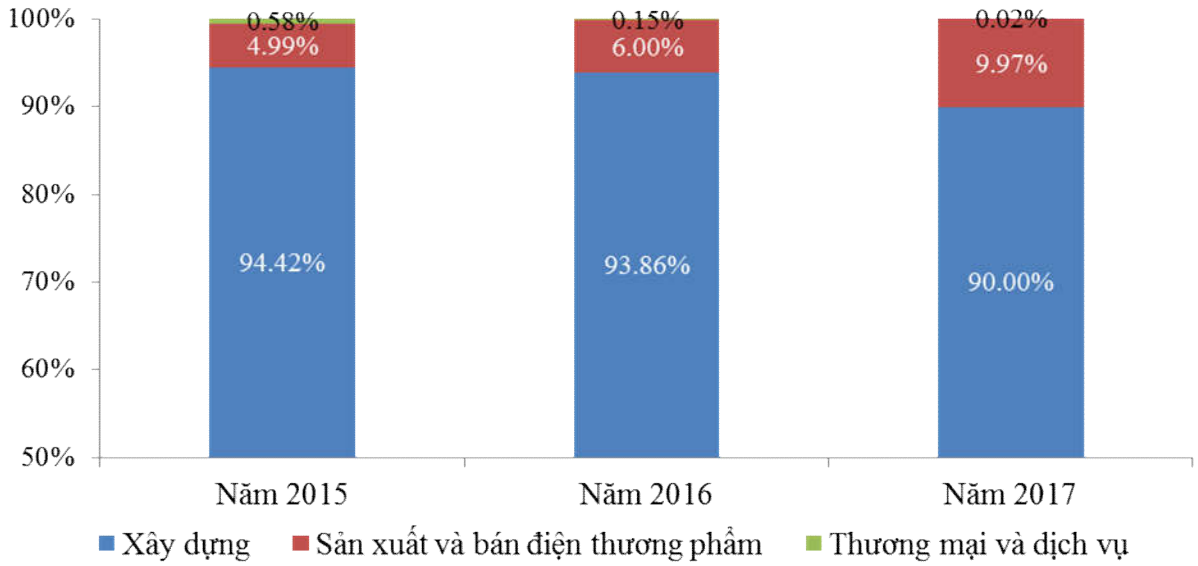

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 – DPG

Doanh thu của CTCP Đạt Phương và các công ty con (hợp nhất) đến từ lĩnh vực xây dựng, hoạt động sản xuất, bán điện thương phẩm và hoạt động thương mại và dịch vụ. Trong đó, doanh thu từ hoạt động xây dựng chiếm trên 90% tổng doanh thu, doanh thu từ hoạt động sản xuất và bán điện thương phẩm chiếm xấp xỉ 10% doanh thu. Ngoài ra doanh thu từ hoạt động

xây dựng có xu hướng giảm xuống qua các năm và doanh thu từ hoạt động bán điện thương phẩm có xu hướng tăng dần.

❖ **Hoạt động lĩnh vực xây dựng**

Với hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và thi công dự án, Đạt Phương đã từng bước khẳng định được thương hiệu và uy tín trong thị trường xây dựng. Tính đến nay, Đạt Phương đã và đang tham gia thi công xây dựng rất nhiều công trình hạ tầng, thủy điện lớn nhỏ trong cả nước. Đặc biệt, các công trình mà Đạt Phương thi công không chỉ đảm bảo chất lượng mà còn đáp ứng tiến độ, luôn được các chủ đầu tư tin tưởng.

Hình 7: Doanh thu xây dựng giai đoạn 2014 – 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

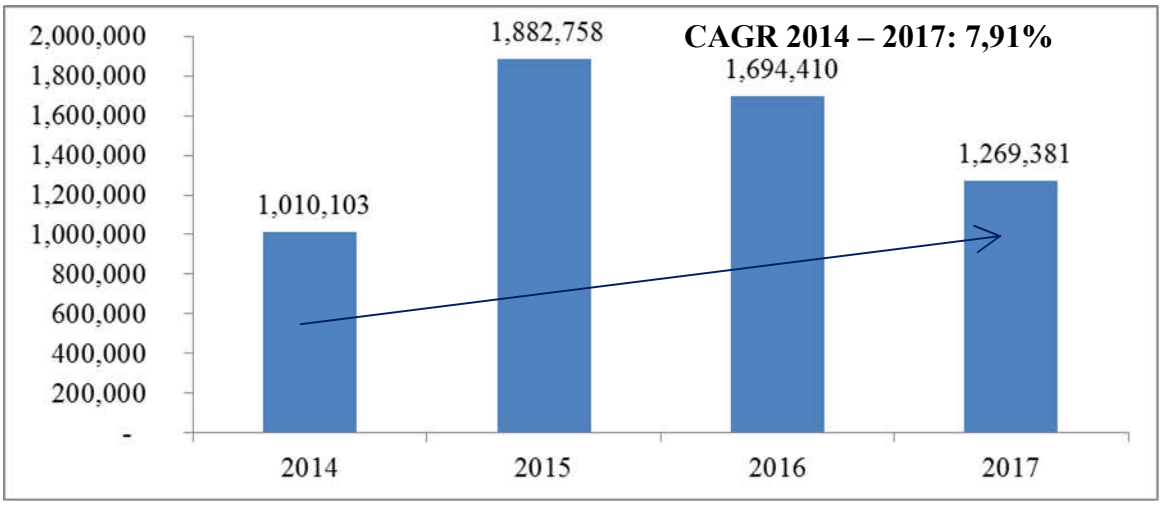

** Ghi chú: CAGR (Compound Annual Growth Rate): Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm kép*

Doanh thu từ hoạt động xây dựng của Công ty có mức tăng trưởng tốt trong giai đoạn 2014 – 2016 nhưng sụt giảm trong năm 2017. Nguyên nhân khách quan là do mức độ cạnh tranh của thị trường xây dựng hạ tầng giao thông ngày càng lớn, nhiều công trình Công ty đã ký hợp đồng nhưng chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng như: cầu Niệm, đường Vạn Tường, dự án BOT mở rộng Quốc Lộ 1A làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung của Công ty. Nguyên nhân chủ quan đến từ việc Công ty tập trung vào các công trình xây dựng trọng điểm và có nhu cầu vốn lớn trong năm 2017 cũng như đầu tư mạnh vào hoạt động thủy điện và các dự án bất động sản đầu tư.

Hình 8: Hình một số công trình tiêu biểu đã và đang thi công

Công trình cầu THỦ THIÊM
Thành phố Hồ Chí Minh

Công trình cầu VĂN HÓA
Tỉnh Quảng Bình

Công trình cầu ĐẠI PHƯỚC
Tỉnh Đồng Nai

Công trình cầu BẾN THỦY II
Tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh

Công trình cầu AN NGHĨA
Thành phố Hồ Chí Minh

Công trình cầu ĐÒ LÈN VƯỢT ĐƯỜNG SẮT
Tỉnh Thanh Hóa

Công trình cầu VƯỢT NÚT GIAO AN SƯƠNG - AN LẠC
Thành phố Hồ Chí Minh

Công trình cầu YÊN HOÀNH
Tỉnh Thanh Hóa

Công trình cầu THẨM
Tỉnh Thanh Hóa

Công trình cầu THÁC MẠ
Tỉnh Lạng Sơn

Công trình CẦU NIỆM 2 & ĐƯỜNG DẪN
Thành phố Hải Phòng

Công trình cầu TÂN VŨ - LẠCH HUYỆN
Thành phố Hải Phòng

Công trình cầu CỬA ĐẠI
Tỉnh Quảng Nam

Công trình 10 CẦU TRÊN ĐƯỜNG TỈNH 883
Tỉnh Bến Tre

Hình 9: Dự án xây dựng cầu Đế Võng

Dự án xây dựng Cầu Đế Võng và đường dẫn lên cầu thuộc Dự án cầu Km0+317 trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại (đầu mối quan trọng tạo sự lưu thông xuyên suốt cho tuyến đường từ Đà Nẵng nối với Quảng Nam) được ký giữa UBND tỉnh Quảng Nam và CTCP Đạt Phương trong năm 2016. Dự án có tổng chiều dài 448,2m với tổng mức đầu tư xây dựng (căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 03/CN-UBND ngày 27/09/2016) là 391 tỷ đồng và được thực hiện trên cơ sở hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT). Theo đó, UBND tỉnh Quảng Nam sẽ thực hiện thanh toán chi phí xây dựng cho Đạt Phương thông qua việc cân đối quỹ đất các khu đô thị, bao gồm:

Dự án Khu đô thị Võng Nhi tại xã Cẩm Thanh, Hội An, Quảng Nam	15,6 ha
Dự án Khu đô thị Đồng Nà (hoặc Bến Trễ) tại thôn Đồng Nà, Xã Cẩm Hà, Hội An, Quảng Nam	6,0 ha
Dự án Khu đô thị Cồn Tiến tại thôn Cồn Tiến, xã Cẩm Thanh, Hội An	30 ha
Dự án Khu đô thị Nồi Rang tại xã Duy Nghĩa huyện Duy Xuyên, Quảng Nam	25 ha
Dự án Khu dịch vụ nghỉ dưỡng Bình Dương tại xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	183 ha

❖ **Hoạt động sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm**

Công ty Cổ phần Sông Bung, công ty con của DPG, là chủ đầu tư dự án thủy điện Sông Bung 6. Hiện tại, Dự án Thủy điện Sông Bung 6 là dự án đã cho doanh thu, các dự án thủy điện khác đều đang trong quá trình nghiên cứu đầu tư hoặc đang xây dựng.

Hình 10: Một số hình ảnh Dự án Thủy điện Sông Bung 6

Toàn cảnh dự án

Khu điều hành Dự án

Dự án thủy điện sông Bung 6 là loại nhà máy ngang đập, khu vực của dự án thủy điện Sông Bung 6 là một đoạn sông hẹp, sườn núi bên trái khá dốc bên phải tương đối thoải với lòng sông bên bờ phải lộ đá gốc. Điều kiện địa hình và địa chất được coi là thuận lợi để thực hiện việc xây dựng một công trình thủy điện. Nhà máy thủy điện Sông Bung 6 là dự án thủy điện bậc thang cuối cùng của dòng Sông Bung thuộc hệ thống thủy điện trên sông Vu Gia – Thu Bồn. Vùng hồ của công trình thủy điện Sông Bung 6 nằm trong một đoạn sông hẹp với sườn

núi rất dốc. Trong khu vực hồ chứa không có các khu dân cư sinh sống chủ yếu là đất rừng. Công trình đóng góp mỗi năm khoảng 121 triệu kWh/năm cho điện lưới quốc gia.

- Tên dự án: Thủy điện Sông Bung 6
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sông Bung
- Địa điểm xây dựng: Bờ trái thuộc địa phận xã Ma CooiH, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, bờ phải thuộc địa phận thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam
- Tổng công suất phát điện: 29MW
- Tổng mức đầu tư: 674 tỷ đồng
- Thủy điện Sông Bung 6 gồm hai tổ máy với tổng công suất 29MW, tổ máy thứ 1 bắt đầu phát điện vào tháng 8/2012 và tổ máy thứ 2 phát điện vào tháng 10/2012.

Bảng 4: Các thông số chính của Nhà máy Thủy điện Sông Bung 6

STT	Đặc điểm công trình	Đơn vị	Thông số
I	**Đặc trưng lưu vực**		
1	Diện tích lưu vực	km^2	2386
2	Chiều dài sông chính	km	131
3	Độ rộng trung bình lưu vực	km	18,6
4	Mật độ lưới song	km/km^2	0,85
5	Lưu lượng trung bình năm Q_o	m^3/s	119
6	Mô đun dòng chảy	$l/s/km^2$	49,8
7	Tổng lượng mưa dòng chảy năm W_o	10^6m^3	3.745,00
II	**Hồ chứa**		
1	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	M	31,8
2	Mực nước chết (MNC)	M	31,8
3	Dung tích toàn bộ (W_{tb})	10^6 m^3	3,29
4	Dung tích hữu ích (W_{hi})	10^6 m^3	0
5	Dung tích chết (W_c)	10^6 m^3	3,29
6	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT (F_{mh})	km^2	0,398
III	**Lưu lượng qua nhà máy và cột nước**		

STT	Đặc điểm công trình	Đơn vị	Thông số
1	Lưu lượng đảm bảo Q_{db}	m^3/s	61
2	Lưu lượng max qua nhà máy Q_{max}	m^3/s	239.8
IV	**Mực nước hạ lưu max tại nhà máy**		
1	Khi chạy với lưu lượng 2 tổ máy	M	18,2
2	Khi chạy với 30% công suất 1 tổ máy	M	16,6
V	**Công suất**		
1	Công suất lắp máy N_{lm}	MW	29
2	Công suất đảm bảo N_{db} tần suất 90%	MW	8,12
VI	**Điện lượng**		
1	Điện lượng trung bình năm E_{tb}	10^6 kWh	120,52
2	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	giờ	4156

Hình 11: Doanh thu hoạt động kinh doanh điện thương phẩm giai đoạn 2014 – 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

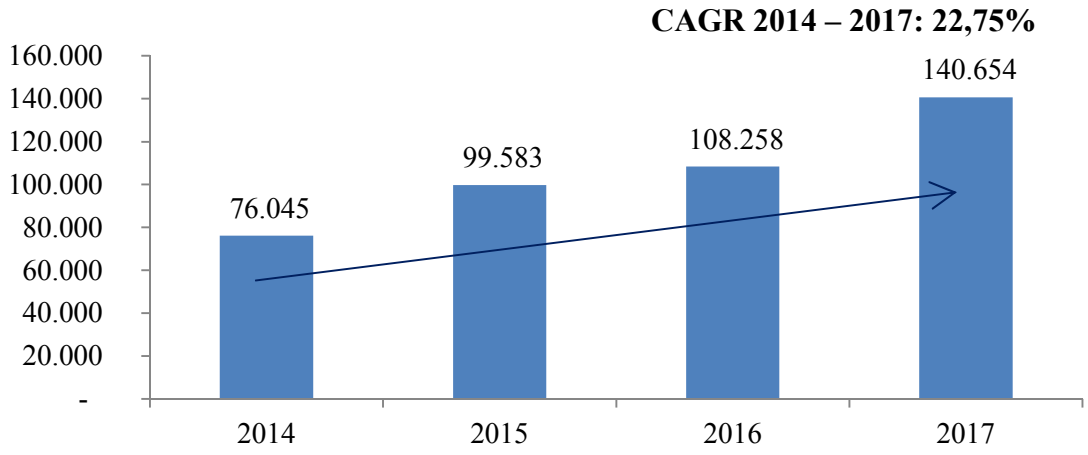

Nguồn: BCTC kiểm toán của CTCP Đạt Phương

Doanh thu từ hoạt động bán điện thương phẩm của Công ty có mức tăng trưởng tốt trong giai đoạn 2014 – 2017. Doanh thu hoạt động bán điện thương phẩm năm 2017 đạt 140 tỷ đồng tăng 29,6% so với năm 2016, nguyên nhân là do năm 2017 lưu lượng nước đổ về các hồ chứa thượng lưu nhiều. Ngay từ đầu năm 2017, các hồ A Vương, Sông Bung 4 đã tích trữ được lượng nước dâng bình thường. Vi vậy các nhà máy của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bung được phát hết công suất.

Dự án Thủy điện Sơn Trà

Hình 12: Dự án Thủy điện Sơn Trà

Hiện tại, Công ty đang tiến hành Đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Sơn Trà tại tỉnh Quảng Ngãi, Công ty dự kiến sẽ đưa vào vận hành trong năm 2018 – 2019. Thủy điện Sơn Trà lấy nước từ Sông Đăk Sê Lô, một phụ lưu cấp 1 của sông Trà Khúc, bắt nguồn từ phần phía Tây Nam cao nguyên Gia Lai -Kon Tum, chảy trên địa phận 2 tỉnh Kon Tum và Quảng Ngãi sau đó hợp lưu với sông Trà Khúc ở làng He. Theo quy hoạch thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, trên nhánh sông Đak Sê Lô hiện tại chỉ còn dự án thủy điện Sơn Trà 1. Dự án thủy điện Sơn Trà 1 cũng đã được đưa vào **Qui hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ (Quy hoạch điện VII)**. Thông tin về Dự án như sau:

- Tên dự án: Thủy điện Sơn Trà (bao gồm Sơn Trà 1A và Sơn Trà 1B)
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi
- Địa điểm xây dựng: xã Kỳ Sơn - huyện Sơn Hà (thực hiện Sơn Trà 1A) và xã Kỳ Hà - huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi (thực hiện Sơn Trà 1B). Hồ chứa của của thủy điện Sơn Trà nằm trên đoạn sông hẹp và dốc.
- Tổng công suất phát điện: 60MW (Sơn Trà 1A đạt 30MW và Sơn Trà 1B đạt 30MW)
- Tổng mức đầu tư: 1.964,8 tỷ đồng
- Số tổ máy: Sơn Trà 1A có 02 tổ máy và Sơn Trà 1B có 02 tổ máy. Tổ máy đầu tiên của Sơn Trà 1A và Sơn Trà 1B dự kiến sẽ chạy thử trong tháng 06 năm 2018. Tổ máy còn lại

được dự kiến chạy thử trong tháng 07 năm 2018.

Bảng 5: Các thông số chính của Dự án Thủy điện Sơn Trà 1A

Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	: 192,5 m
Mực nước chết (MNC)	: 180,0 m
Dung tích toàn bộ	: 6,83 triệu m^3
Dung tích hữu ích	: 4,95 triệu m^3
Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	: 0,497 km^2
Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy	: 80,45 m^3/s
Cột nước tính toán	: 42,0 m
Công suất lắp máy	: 30 MW
Công suất đảm bảo	: 6,3 MW
Điện lượng bình quân năm	: 118,7 triệu kWh

Bảng 6: Các thông số chính của Dự án Thủy điện Sơn Trà 1B

Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	: 137,4 m
Mực nước chết (MNC)	: 135,4 m
Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy	: 80,45 m^3/s
Cột nước tính toán	: 42,0 m
Công suất lắp máy	: 30 MW
Công suất đảm bảo	: 5,9 MW
Điện lượng bình quân năm	: 107,5 triệu kWh

❖ **Hoạt động thương mại và dịch vụ**

Hoạt động thương mại và dịch vụ phát sinh chính tại Công ty mẹ, chủ yếu là hoạt động cho thuê thiết bị, vật tư luân chuyển, cấp bán vật liệu xây dựng cho các công ty con để thực hiện các dự án thi công đã ký kết.

6.1.2. Doanh thu của từng nhóm sản phẩm

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2016 – 2017

Đơn vị tính: tỷ đồng

Diễn giải	Năm 2016		Năm 2017	
	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
Hợp đồng xây dựng	1.971	92,15%	1.761	87,65%
BĐS đầu tư	-	-	113	5,61%
Cung cấp dịch vụ	9	0,43%	12	0,60%
Bán hàng hóa	159	7,42%	123	6,13%
Tổng cộng	**2.139**	**100%**	**2.009**	**100%**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đạt Phương

Hoạt động của Công ty mẹ bao gồm các hoạt động xây dựng, đầu tư bất động sản và một số hoạt động dịch vụ thương mại khác. Doanh thu Công ty mẹ năm 2017 đạt 2.009 tỷ VND, giảm hơn 100 tỷ so với số doanh thu 2.139 tỷ đồng trong năm 2016, nguyên nhân chủ yếu là do tiến độ quyết toán các công trình có vốn đầu tư từ Nhà nước bị ảnh hưởng trong năm 2017 và một số chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng nên đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động xây dựng vẫn chiếm phần lớn trong tổng doanh thu nhưng có xu hướng giảm đi, năm 2017 chiếm 87,65% tổng doanh thu so với mức 92,15% tổng doanh thu trong năm 2016.

Trong năm 2017, doanh thu bất động sản đầu tư đạt 112 tỷ đồng đến từ việc chuyển nhượng dự án bất động sản cho công ty con là CTCP Đạt Phương Hội An.

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất của Công ty năm 2016 – 2017

Đơn vị tính: tỷ đồng

Diễn giải	Năm 2016		Năm 2017	
	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
Hợp đồng xây dựng	1.694	93,86%	1.269	90,00%
Bán điện thương phẩm	108	6,00%	141	9,97%
Cung cấp dịch vụ	-	-	0,3	0,02%

Diễn giải	Năm 2016		Năm 2017	
	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
Bán hàng hóa	3	0,15%	-	-
Tổng cộng	**1.805**	**100%**	**1.410**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 2017 của CTCP Đạt Phương

Tương tự như doanh thu Công ty mẹ, doanh thu hợp nhất có xu hướng giảm trong năm 2017, đạt 1.410 tỷ đồng trong năm 2017 so với 1.805 tỷ đồng trong năm 2016. Doanh thu hợp nhất năm 2017 bao gồm 90% đến từ hoạt động xây dựng, gần 10% đến từ hoạt động bán điện thương phẩm. Doanh thu bán điện năm 2017 đạt 141 tỷ đồng, tăng mạnh so với 108 tỷ đồng trong năm 2016, nguyên nhân chính là so lưu lượng nước tăng đột biến trong năm 2017 như đã trình bày ở trên. Doanh thu hợp nhất đã loại trừ 491 tỷ đồng doanh thu Công ty mẹ thực hiện thi công xây lắp cho công ty con là CTCP 30-4 Quảng Ngãi (dự án thủy điện Sơn Trà) và 112 tỷ đồng chuyển nhượng dự án cho công ty con là CTCP Đạt Phương Hội An (các dự án bất động sản đầu tư).

6.1.3.Lợi nhuận gộp các loại sản phẩm và dịch vụ

Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ năm 2016 và năm 2017

Đơn vị tính: tỷ đồng

Diễn giải	Năm 2016			Năm 2017		
	LNG	Tỷ trọng (%)	LNG / DTT (%)	LNG	Tỷ trọng (%)	LNG / DTT (%)
Hợp đồng xây dựng	139	98,01%	7,07%	194	94,02%	11,00%
BĐS đầu tư	-	-	-	5	2,42%	4,42%
Cung cấp dịch vụ	2	1,17%	18,13%	5	2,28%	38,84%
Bán hàng hóa	1	0,82%	0,74%	3	1,27%	2,13%
Tổng cộng	**142**	**100%**	**6,65%**	**206**	**100%**	**10,25%**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đạt Phương

Khác với xu hướng giảm doanh thu trong năm 2017, lợi nhuận gộp Công ty mẹ năm 2017 đạt 206 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2016. Điều này chủ yếu đến từ việc biên lợi nhuận gộp năm

2017 đạt 11%, lớn hơn nhiều so với mức 7% trong năm 2016. Khoản bất động sản đầu tư ghi nhận mức lợi nhuận gộp 5 tỷ đồng. Đây là khoản bất động sản đầu tư từ các dự án Đồng Nà và Võng Nhi được Công ty mẹ thực hiện chuyển nhượng cho công ty con là CTCP Đạt Phương Hội An. Khi tiến hành hợp nhất số liệu, khoản bất động sản đầu tư đã được loại trừ theo đúng quy định kế toán.

Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty năm 2016 và năm 2017

Đơn vị tính: tỷ đồng

Diễn giải	Năm 2016			Năm 2017		
	LNG	Tỷ trọng (%)	LNG / DTT (%)	LNG	Tỷ trọng (%)	LNG / DTT (%)
Hợp đồng xây dựng	154	68,23%	9,11%	199	64,36%	15,65%
Bán điện thương phẩm	71	31,25%	65,31%	110	35,60%	78,13%
Cung cấp dịch vụ	-	-	-	0,1	0,04%	38,60%
Bán hàng hóa	1	0,52%	44,19%	-	-	-
Tổng cộng	**226**	**100%**	**12,53%**	**309**	**100%**	**21,89%**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016 và 2017 của CTCP Đạt Phương

Lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh xây dựng và sản xuất và bán điện thương phẩm. Trong năm 2016, mặc dù doanh thu từ hoạt động xây dựng chiếm 93,9% tổng doanh thu nhưng lợi nhuận gộp chỉ chiếm tỷ trọng 68,2% tổng lợi nhuận gộp. Mặt khác doanh thu sản xuất và bán điện thương phẩm chỉ chiếm 6% tổng doanh thu nhưng đem đến 31,3% lợi nhuận gộp. Trong năm 2017, doanh thu từ hoạt động xây dựng chiếm 90% tổng doanh thu nhưng lợi nhuận gộp chiếm 64,36% tổng lợi nhuận gộp. Điện thương phẩm đóng góp 110 tỷ đồng lợi nhuận gộp trong năm 2017 tương đương 78,13% tổng lợi nhuận gộp hợp nhất.

6.2 Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu phục vụ thi công xây lắp

Nguồn cấp cấp nguyên vật liệu phục vụ thi công chủ yếu là trong nước, chỉ có một số máy móc thiết bị phục vụ thi công phải nhập từ nước ngoài, nguồn cung nguyên vật liệu trong nước nhìn chung rất phong phú, khách hàng dễ dàng tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp. Các nhà cung cấp đầu vào đa số là các đối tác truyền thống, có uy tín, phương thức thanh toán hầu hết là trả chậm nên rất phù hợp với đặc thù hoạt đông xây lắp của khách hàng.

Bảng 11: Nguồn cung cấp nguyên vật liệu phục vụ

Yếu tố đầu vào	Nhà cung cấp	Phương thức thanh toán
Thép	- Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Đức Thanh; - Công ty CP Thép Việt Trung; - Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Thép Việt - CTY TNHH Việt Phú; - Công ty cổ phần thương mại kim khí Hùng Kim; - Tổng công ty vật liệu xây dựng số 1- TNHH MTV.	Trả chậm
Xi măng	- Tổng công ty vật liệu xây dựng số 1- TNHH MTV - Công ty TNHH Thịnh Phú Cường	Trả chậm
Dầm	- Tổng công ty vật liệu xây dựng số 1- TNHH MTV - Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới; - Công ty cổ phần Beton 6; - Công ty TNHH bê tông đúc sẵn & cơ khí Bình Dương	Trả chậm
Bê tông	- Công ty xây dựng Lê Phan – TNHH	Trả chậm
Nhựa đường	- Công ty cổ phần thương mại hàng hóa quốc tế IPC - CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex	Trả chậm
Máy xây dựng	- Công ty TNHH máy xây dựng Vi Trác - Công ty Atlas Copco Rock Drills AB	Trả chậm
Thuê nhân công, thiết bị	- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phước An	Trả chậm
Thi công cọc vuông bê tông cốt thép	- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	Trả chậm
Thầu phụ thi công	- Công ty CP xây dựng và đầu tư Thăng Long 89 - Công ty CP đầu tư xây dựng và TM Phương Minh - Công ty cổ phần xây dựng Thành Sơn - Công ty TNHH MTV xây dựng Phú Vang - Doanh nghiệp tư nhân Tiến Đạt - Công ty TNHH tư vấn xây dựng Kiến Quốc - Công ty CP Xây dựng và thiết bị Bình Minh	Trả chậm

Nhìn chung, nguồn cung cấp nguyên vật liệu chính chủ yếu đều có tính sẵn có cao, dễ dàng tìm kiếm các nhà cung cấp trên thị trường, được hưởng các chính sách ưu đãi trong thanh toán (Nhà cung cấp cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu trước, khách hàng thanh toán sau khi được chủ đầu tư thanh toán).

Nguyên vật liệu phục vụ thủy điện

Nguồn nguyên liệu phục vụ cho công tác sản xuất của Nhà máy thủy điện là tài nguyên nước tự nhiên. Vì vậy, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động thủy điện không chịu tác động từ giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào hay nguồn cung của nhà cung cấp. Tuy nhiên, do nguồn cung duy nhất là nước nên điều kiện thời tiết, lưu lượng và sự ổn định của nguồn nước là những yếu tố tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện của Công ty.

Nhà máy thủy điện Sông Bung 6 được xây dựng trên sông Bung chảy qua địa phận 2 huyện miền núi Quảng Nam là Đông Giang và Tây Giang, Trong tỉnh Quảng nam, hệ thống sông ngòi chủ yếu là ngắn, lưu vực hẹp và rất dốc. Lòng sông ở đây có độ dốc lớn, vùng núi 10 - 12m/km phù hợp cho phát triển thủy điện. Lượng nước trên các sông phụ thuộc phần lớn vào lượng mưa trong năm. Đây là khu vực có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với lượng mưa hàng năm vào loại lớn nhất trong cả nước.

Dự án thủy điện Sơn Trà 1 được xây dựng trên sông Đăk Sê Lô tại địa bàn các xã Sơn Lập huyện Sơn Tây và Sơn Kỳ huyện Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi. Sông Đăk Sê Lô có tiềm năng tự nhiên về thủy điện tương đối lớn. Tiềm năng tự nhiên được tăng lên đáng kể do lưu vực sông Đăk Sê Lô được bổ sung nguồn nước từ thủy điện Thượng Kon Tum (nước từ lưu vực sông Đak Nghe thuộc hệ thống sông Sê San chuyển sang). Do vậy nguồn cung cấp nước cho dự án là tương đối ổn định.

Bảng 12: Chi phí nguyên vật liệu qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Diễn giải	Năm 2016 (mẹ)	Năm 2016 (hợp nhất)	Năm 2017 (mẹ)	Năm 2017 (hợp nhất)
Chi phí nguyên vật liệu	836.732	1.049.723	612.678	848.972
Doanh thu thuần	2.138.617	1.805.317	2.008.991	1.410.359
%nguyên vật liệu/ DTT	**39,12%**	**58,15%**	**30,50%**	**60,20%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đạt Phương

Chi phí nguyên vật liệu chiếm 30,5% doanh thu thuần trong năm 2017 và giảm nhiều so với mức 39,12% trong năm 2016 trên báo cáo Công ty mẹ. Tuy nhiên trên báo cáo hợp nhất, chi phí nguyên vật liệu năm 2016 và 2017 không có nhiều thay đổi và chiếm khoảng 60% doanh

thu, nguyên do là một số chi phi nguyên vật liệu của công ty con đang được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và chưa tạo doanh thu.

Vì sự biến động giá cả nguồn nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty cho nên để giảm bớt những tác động xấu của việc biến động giá cả nguồn nguyên vật liệu, Công ty đã thiết lập và duy trì được mối quan hệ uy tín và khăng khít với (các) nhà cung ứng để đảm bảo sự ổn định nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính cho Công ty.

6.3 Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm

Bảng 13: Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2016 và năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi phí sản xuất kinh doanh	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	1.996.488	93,35%	1.802.999	89,75%
2	Chi phí QLDN	32.052	1,50%	34.158	1,70%
3	Chi phí tài chính	28.238	1,32%	26.673	1,33%
4	Chi phí khác	480	**0,02%**	169	**0,01%**
Tổng		**2.057.258**	**96,20%**	**1.863.999**	**92,78%**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đạt Phương

Năm 2017 tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ đạt 1.863.999 triệu đồng tương đương 92,78% doanh thu. Số liệu chi phí năm 2017 thấp hơn gần 200 tỷ đồng so với mức 2.057.258 đồng trong năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là giá vốn hàng bán năm 2017 thấp hơn so với năm 2016.

Bảng 14: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2016 và năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi phí sản xuất kinh doanh	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	1.579.086	87,5%	1.101.677	78,1%
2	Chi phí QLDN	43.787	2,4%	45.424	3,2%
3	Chi phí tài chính	61.427	3,4%	56.032	4,0%

TT	Chi phí sản xuất kinh doanh	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
4	Chi phí khác	645	0,0%	210	0,0%
Tổng cộng		**1.684.946**	**93,3%**	**1.512.025**	**85,3%**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đạt Phương

Tương tự như Công ty mẹ, số liệu hợp nhất cho thấy giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí năm 2017, đạt 1.101.677 tỷ đồng tương đương 78,1% so với doanh thu thuần. Giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2017 đã thấp hơn khoảng 10% so với tỷ lệ tương ứng trong năm 2016.

6.4 Trình độ công nghệ

6.4.1 Áp dụng công nghệ trong lĩnh vực thi công

Với tiêu chí hoạt động luôn chú trọng chất lượng và đảm bảo tiến độ, luôn đặt chất lượng, tiến độ là mục tiêu hàng đầu, cùng với việc tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề, chuyên nghiệp, Công ty đã đầu tư rất nhiều vào công nghệ, thiết bị thi công cơ giới hiện đại, chuyên dụng, tích cực ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất. Vì vậy các công trình do Công ty thực hiện luôn đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả cao.

Hiện nay, Công ty đã áp dụng thành công và làm chủ các công nghệ thi công xây dựng mới Việt Nam, trong đó bao gồm một số công nghệ tiêu biểu sau đây:

Công nghệ thi công cầu bằng phương pháp đúc hẫng:

Với các công trình cầu bê tông cốt thép có khẩu độ nhịp lớn với cấu tạo dầm dạng dầm hộp, kết cấu nhịp thường được thi công từ 1 trụ hoặc nhiều trụ bằng thiết bị giá đỡ ván khuôn (xe đúc). Thông thường việc thi công kết cấu dầm được bắt đầu từ khối dầm trên đỉnh trụ, sau đó các phân đoạn dầm khoảng từ 3m – 5m được thi công đối xứng qua khối đỉnh trụ lần lượt từng cặp khối một về 2 phía. Kết thúc thi công mỗi nhịp bằng khối hợp long giữa nhịp đó. Các bó cáp dự ứng lực được bố trí tùy thuộc vào biểu đồ mômen cánh hẫng với lượng bó cáp tập trung cao nhất ở trên trụ và giảm dần về 2 phía 2 nhịp bên.

Việc sử dụng phương pháp thi công hẫng cân bằng cho các cầu bê tông cốt thép dự ứng lực có nhịp trung và lớn có nhiều lợi thế, đặc biệt trong điều kiện khó khăn hay không thể thi công hệ đà giáo như các trường hợp qua thung lũng sâu, sông rộng, khoảng diện tích phía dưới có giao thông đi lại hay trường hợp nền đất yếu phải đầu tư nhiều chi phí cho móng hệ đà giáo.

Các công trình tiêu biểu: Cầu Cửa Đại thuộc tỉnh Quảng Nam có nhịp chính 150m, cầu Niệm 2 Hải Phòng nhịp chính 120m, các cầu Yên Hoành, cầu Thắm tỉnh Thanh Hóa, cầu Trái Hút

tỉnh Yên Bái, cầu Đồng Nai mới, cầu Đại Phước tỉnh Đồng Nai, cầu An Nghĩa, cầu Thủ Thiêm TP Hồ Chí Minh, cầu Kinh Xáng tỉnh Tiền Giang và rất nhiều các công trình cầu đúc hẫng khác có chiều dài nhịp chính từ 63-120m.

Hình 13: Công nghệ thi công

Công nghệ thi công dầm cầu dự ứng lực, dầm super T

Ngoài các công trình thi công đúc hẫng, Công ty cũng chú trọng đầu tư các dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh để sản xuất dầm super T, dầm I, dầm bản dự ứng lực,... đáp ứng yêu cầu của từng dự án.

Với các kết cấu dầm giản đơn này, Công ty sử dụng các công nghệ lao lắp dầm vào vị trí nhịp bằng cần cẩu công suất lớn và giá lao dầm chuyên dụng.

Công nghệ thi công dầm bằng đà giáo đẩy MSS

Đây là công nghệ dùng thi công dầm bê tông cốt thép đổ tại chỗ trên hệ đà giáo di động. Sau khi thi công xong một nhịp, toàn bộ hệ thống ván khuôn và đà giáo được di chuyển tới nhịp tiếp theo và bắt đầu công đoạn thi công như nhịp trước, cứ như vậy theo chiều dọc cầu cho đến khi hoàn thành kết cấu nhịp. Với công nghệ này trong quá trình thi công, vẫn tạo được tĩnh không dưới cầu cho giao thông thủy bộ, mặt khác ít chịu ảnh hưởng của điều kiện địa hình, thủy văn và địa chất khu vực xây dựng cầu.

Hiện nay, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh hệ xe đúc MSS để thi công các đốt dầm có chiều dài đến 54m.

Công nghệ khoan cọc nhồi, Công nghệ hạ ép cọc và đóng cọc

Với kinh nghiệm được tích lũy qua nhiều năm thi công, cho đến nay, công tác thi công cọc khoan nhồi đã trở thành một trong những thế mạnh của Công ty. Với hệ thống thiết bị khoan hoàn chỉnh, các kỹ sư giàu kinh nghiệm và đội ngũ công nhân lành nghề, Công ty đã thi công hạng mục cọc khoan nhồi với đường kính lớn đến 2,5m, chiều sâu cọc đến 80m.

Với các kết cấu móng cọc bê tông cốt thép đúc sẵn, Công ty đã thi công các cọc bê tông cốt thép thường, bê tông cốt thép dự ứng lực có kích thước tới 45x45cm, cọc ống bê tông cốt thép dự ứng lực đường kính 60cm. Thi công bằng phương pháp ép tĩnh và đóng bằng búa diezel.

Công nghệ thi công đường

Công ty đã thi công xử lý nền đất yếu bằng các công nghệ cọc đất gia cố xi măng, cọc cát và bấc thấm.

Thi công mặt đường bằng công nghệ trải thảm bê tông nhựa, công nghệ trải thảm bê tông xi măng bằng hệ máy rải chuyên dụng. Các công tác rải, san, đầm đều được dùng bằng máy nên có năng suất và chất lượng cao hơn rất nhiều so với thi công bằng thủ công.

Công nghệ thi công các công trình thủy điện, thủy lợi

Thi công hầm: Dự án thủy điện Sơn Trà 1A và Sơn Trà 1B do Công ty Cổ phần Đạt Phương làm tổng thầu có tổng chiều dài hầm dẫn dòng dài hơn 7km. Để thi công công trình, Công ty

đã đầu tư 06 máy khoan hầm đồng bộ do nhà sản xuất Thụy Điển và Nhật Bản cung cấp với mặt cắt thi công lớn, đầu tư hệ thống quạt thông gió đường hầm, xe xúc lật bánh lốp chuyên dụng sử dụng trong đường hầm, máy nâng. Hiện tại, Công ty đã thi công được trên 60% khối lượng phần hầm.

Thi công giếng chìm và tháp điều áp: Thi công giếng chìm và tháp điều áp tại nhà máy 1A và 1B thủy điện Sơn Trà với đường kính giếng lớn 15,5m, chiều sâu 50m.

Để triển khai thi công, Công ty đã đầu tư giàn thiết bị đồng bộ như: Máy khoan thủy lực, Máy đào dung tích lớn,...

Công nghệ thi công công trình kết cấu bê tông truyền thống

Công nghệ này đã được công ty hoàn chỉnh và áp dụng vào tất cả các công trình có kết cấu bê tông. Thiết bị cho công nghệ này đòi hỏi phải có các thiết bị chuyên dùng: Hệ thống dàn giáo, ván khuôn, trạm trộn bê tông, ô tô vận chuyển bê tông, cẩu tháp, cẩu bánh xích, bánh lốp, máy đầm. Hiện công ty đã trang bị đủ cho dây chuyền thi công có thể đảm nhận các loại hình công trình như: mố trụ cầu có chiều cao lớn (đến 60m), đập bê tông trọng lực,...

Công nghệ sản xuất vật liệu:

Công ty đã đầu tư hệ trạm nghiền sàng đá để sản xuất cát, đá phục vụ thi công.

6.4.2 Trình độ công nghệ tại các Nhà máy thủy điện

Nhà máy thủy điện Sông Bung 6 - nhà máy thủy điện cột nước thấp áp dụng công nghệ tua bin trục ngang là nhà máy đi vào vận hành thành công thứ 2 tại Việt Nam. Nhà máy thủy điện Sông Bung 6 là dự án thủy điện bậc thang cuối cùng của dòng Sông Bung thuộc hệ thống thủy điện trên sông Vu Gia – Thu Bồn. Công trình đã được cơ quan thẩm định quốc tế DOE công nhận là dự án phát triển năng lượng sạch CDM.

Hiện tại các nhà máy thủy điện của Công ty đều sử dụng các tuabin thủy lực loại francis trục đứng với công nghệ nhập khẩu từ Đức.

Bảng 15: Máy móc thiết bị áp dụng trong nhà máy thủy điện

Tua bin thủy lực	**:** Tua bin thủy lực loại Francis trục đứng, đường kính bánh xe công tác D1 = 2,23m hiệu suất lớn nhất là 94,07%. Tua bin được trang bị đồng bộ tất cả thiết bị phụ cần thiết và hệ thống tự động điều chỉnh.
Máy phát điện	: Máy phát điện đồng bộ ba pha trục đứng có kết cấu theo tiêu chuẩn của IEC-34. Tần số dòng điện f = 50Hz, kích thích tĩnh - Thyristor - tự động điều chỉnh điện áp.

Máy điều tốc	**:** Mỗi tua bin đều trang bị một máy điều tốc loại số và thiết bị dầu áp lực thao tác đóng mở, điều chỉnh tua bin.
Các hệ thống thiết bị phụ:	: Các hệ thống thiết bị phụ của nhà máy bao gồm: hệ thống làm khô phần dẫn dòng tua bin; hệ thống tiêu nước rò rỉ của nhà máy thủy điện; hệ thống cung cấp nước kỹ thuật; hệ thống khí nén; hệ thống dầu tua bin; dầu máy biến áp; hệ thống chữa cháy; hệ thống đo lường thủy lực.

6.4.2 Áp dụng công nghệ trong quản lý điều hành

Công ty Cổ phần Đạt Phương đặc biệt chú trọng tới việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhằm nâng cao công tác quản lý cũng như hiệu quả công việc. Cụ thể, Công ty đã đầu tư hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ cùng một số sản phẩm phần mềm chính như:

- Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING
- Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử dùng trong quản trị hành chính nhân sự như báo cáo công việc, quản lý nhân sự, lịch công tác cán bộ, quản lý và phát hành công văn, tài liệu, thông tin nội bộ,...
- Xây dựng và hoàn thiện phần mềm Quản lý dự án.

6.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới và phát triển thị trường

Trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Đạt Phương đã không ngừng duy trì và củng cố uy tín của mình với các bạn hàng và đối tác. Các sản phẩm do Công ty cung cấp từng bước được đa dạng hóa, từ xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, đầu tư xây dựng các dự án thủy điện. Trong thời gian tới, để mở rộng hoạt động kinh doanh và tăng cường lợi nhuận ròng, Công ty sẽ thực hiện nhiều dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và làm chủ đầu tư của các dự án bất động sản. Ngoài ra, Công ty còn đầu tư vào các dự án do các tổ chức khác làm chủ đầu tư dưới hình thức góp vốn đầu tư, hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Công ty đã hoàn thiện chính sách chất lượng theo những chương trình hoạt động cụ thể sau:

- Không ngừng nâng cao chất lượng quản lý thi công các công trình xây lắp, các gói thầu để đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của chủ đầu tư và nâng cao khả năng đấu thầu của Công ty
- Đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo để đảm bảo đội ngũ nhân viên có đầy đủ năng

lực và kỹ thuật hoàn thành công việc được giao.

- Công ty luôn quan tâm cải tiến chất lượng dịch vụ cung ứng, hướng đến các tiêu chí: an toàn, chính xác và hiệu quả.
- Sự phát triển bền vững của Công ty luôn gắn với lợi ích của khách hàng, không ngừng nâng cao lợi ích cho CBCNV và cổ đông của Công ty.
- Công ty luôn chú trọng thực hiện đầu tư trang thiết bị, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty

- Tại trụ sở Công ty: là Phòng Quản lý dự án, có nhiệm vụ giúp lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý chất lượng, biện pháp thi công, an toàn lao động và nghiệm thu nội bộ của các công trình.
- Phối hợp với phòng thí nghiệm vật liệu, kết cấu có trách nhiệm tổ chức hệ thống thí nghiệm hiện trường để kiểm tra đánh giá chất lượng vật liệu và kết cấu công trình.
- Tại các đơn vị thi công: là mạng lưới các cán bộ kỹ thuật hiện trường, trực tiếp tổ chức thi công theo biện pháp đã được phê duyệt, phân cấp quản lý công trình theo quy chế, thực hiện thi công đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu thiết kế và các qui trình qui phạm do Nhà nước qui định.

6.7 Hoạt động Marketing

Đối với hoạt động xây lắp:

Do đặc thù của ngành xây dựng chủ yếu là công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi, thủy điện mà sản phẩm là đơn chiếc và thực hiện theo đơn đặt hàng (Hợp đồng giao thầu). Là một nhà thầu xây dựng muốn giành được hợp đồng giao thầu thì hoạt động marketing tốt nhất là từ các công trình đã thi công. Vì vậy phương châm của Công ty là Chất lượng - Tiến độ - Giá thành, do đó Công ty đã xây dựng được uy tín tốt, được các Chủ đầu tư, các đối tác đánh giá rất cao. Trong những năm qua, Công ty đã nhận được nhiều bằng khen của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Xây dựng, TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Quản Nam, Bến Tre, Thanh Hóa, Sóc Trăng,... vì đã có thành tích tốt trong việc thi công các dự án. Công ty cũng được các Ban quản lý dự án của nhiều ngành, địa phương mời tham dự thầu thi công và cũng trúng thầu nhiều công trình.

Ngoài ra, Công ty còn rất chú trọng đến các công tác:

- Quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, các báo và tạp chí chuyên ngành, xây dựng trang web, tìm hiểu các đối tượng khách hàng để chủ động giới thiệu sản phẩm.
- Chủ động tìm kiếm ký kết Hợp đồng liên kết với các đơn vị bạn.

Đối với hoạt động đầu tư:

Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, Công ty xác định rõ ràng nhóm khách hàng mục tiêu, kế hoạch quảng cáo dài hạn và ngắn hạn phù hợp với mục đích phát triển bền vững lâu dài cũng như mục tiêu trước mắt của Công ty. Các hoạt động quảng bá của Công ty dựa trên nền tảng vững chắc là hiểu biết thị trường và chất lượng sản phẩm, dịch vụ mà Công ty mang đến cho khách hàng và các đối tác.

Hoạt động marketing tập trung vào các yếu tố:

- Chất lượng sản phẩm, dịch vụ tận tâm, chuyên nghiệp, thấu hiểu nhu cầu của khách hàng.
- Tạo dựng giá trị gia tăng và tích lũy cho khách hàng.
- Hợp tác chặt chẽ với các đối tác, các nhà cung cấp dịch vụ để tạo ra dịch vụ tốt nhất.
- Duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng sẵn có, cung cấp dịch vụ sau bán hàng cho các khách hàng đã hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.
- Chuẩn bị và lập các báo cáo thị trường, khảo sát kỹ thị trường trước khi triển khai cung cấp dịch vụ sản phẩm.

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:

Website của Công ty: http://datphuong.com.vn/

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 113316 theo Quyết định số 23338/QĐ-SHTT ngày 10/11/2008 do Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 16: Một số hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện

Đối tác	Sản phẩm cung cấp đầu ra	Ước tính hợp đồng	Thời hạn	Phương thức thanh toán giữa Chủ đầu tư & Nhà thầu chính
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Điện năng tiêu thụ	Kế hoạch 193 tỷ đồng	2018	Thanh toán hàng tháng bằng hình thức chuyển khoản

Đối tác	Sản phẩm cung cấp đầu ra	Ước tính hợp đồng	Thời hạn	Phương thức thanh toán giữa Chủ đầu tư & Nhà thầu chính
Ban quản lý dự án khu vực các công trình giao thông vận tải	Công trình cầu Niệm 2 – TP Hải Phòng	733 tỷ	2015-2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển khoản
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Quốc	Xây dựng mới các hạng mục giai đoạn 1: Nền, mặt đường BTXM, bó lề, dãy phân cách giữa, đảo giao thông, nút giao...- Dự án đầu tư xây dựng đường trung tâm đoạn 3 khu Bãi Trường và các đường nhánh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	739 tỷ	2016-2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển khoản
Ban QLDA xây dựng KKT, các KCN và trụ sở làm việc BQL khu kinh tế Trà Vinh	cầu C16 thuộc dự án tuyến đường số 02 (đoạn từ nút N25 đến nút N28) và cầu C16, khu kinh tế An Định-giai đoạn 2, tỉnh Trà Vinh	319 tỷ	2016-2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển khoản
Công ty TNHH đường BT Chu Văn An	phần cầu thuộc dự án đường giao thông bao quanh khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	109 tỷ	2017-2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển khoản
Ban quản lý dự án hạ tầng	Xây dựng đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại từ Km0+448,2 đến	145 tỷ	2017-2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển

Đối tác	Sản phẩm cung cấp đầu ra	Ước tính hợp đồng	Thời hạn	Phương thức thanh toán giữa Chủ đầu tư & Nhà thầu chính
	Km4+609,6 thuộc dự án cầu Cửa Đại tỉnh Quảng Nam			khoản
Ban quản lý dự án hạ tầng	Thi công đoạn từ Km0+00 đến Km3+818,03 thuộc DA đường trục chính nối KCN ô tô Trường Hải đến KCN Tam Anh tỉnh Quảng Nam	42 tỷ	2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển khoản
Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	thi công xây dựng cầu và đường dẫn, thoát nước, cây xanh- công trình cầu và đường dẫn vào đường ĐH14.ĐB (giai đoạn 1) thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	120,5 tỷ	2017-2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển khoản
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu kinh tế, công nghiệp	Thi công toàn bộ phần xây dựng thuộc dự án Đê chắn sóng cảng Chân Mây - giai đoạn 1, tỉnh Thừa Thiên Huế	296 tỷ	2017-2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển khoản
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Gói 84 Cầu Vĩnh Long	211 tỷ	2017-2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển khoản
Công ty cổ phần Oto Trường Hải	Xây dựng cầu vượt tại nút giao giữa QL1A và Đường sắt Bắc -	380 tỷ	2017-2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển

Đối tác	Sản phẩm cung cấp đầu ra	Ước tính hợp đồng	Thời hạn	Phương thức thanh toán giữa Chủ đầu tư & Nhà thầu chính
	Nam			khoản
Khu quản lý giao thông đô thị số 2	Phần cầu thuộc công trình xây dựng cầu qua đảo Kim Cương (đường ven sông Sài Gòn, qua khu dân cư Thạnh Mỹ Lợi đến đường Mai Chí Thọ) quận 2, Hồ Chí Minh	56 tỷ	2017-2018	Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu bằng hình thức chuyển khoản

Nguồn: CTCP Đạt Phương

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai năm gần nhất và quý gần nhất

Bảng 17: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/ giảm	Quý I năm 2018
Tổng giá trị tài sản	1.391.120	2.061.279	48,17%	1.992.317
Vốn chủ sở hữu	399.232	600.102	50,31%	618.791
Doanh thu thuần	2.138.617	2.008.991	-6,06%	354.516
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	114.227	177.469	55,37%	16.186
Lợi nhuận khác	15.219	3.784	-75,14%	7.207
Lợi nhuận trước thuế	129.446	181.252	40,02%	23.394
Lợi nhuận sau thuế	108.468	148.302	36,72%	18.689

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đạt Phương

Năm 2017 tổng tài sản Công ty mẹ đạt 2.061.279 triệu đồng, tăng 48,17% so với năm 2016. Vốn chủ sở hữu Công ty năm 2017 đạt 600 tỷ đồng và tăng 50,31% so với năm 2016. Mặc dù doanh thu thuần Công ty trong năm 2017 giảm nhẹ, 6% so với năm 2016 nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 55,37% so với năm 2016. Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 181 tỷ đồng và tăng 40,02% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 148 tỷ đồng, tăng 36,72% so với năm 2016. Lợi nhuận khác của Công ty mẹ chủ yếu đến từ các khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình, trong năm 2016 là 15,6 tỷ đồng và trong năm 2017 là 3,9 tỷ đồng.

Theo BCTC riêng quý I, Đạt Phương ghi nhận doanh thu hơn 354 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu hợp đồng xây dựng chiếm 81% cơ cấu, doanh thu bán hàng chiếm 5%, ngoài ra Đạt Phương cũng ghi nhận một khoản doanh thu chuyển nhượng dự án cho công ty con thực hiện khoảng 46 tỷ đồng. Trong Quý I năm 2018 Công ty ghi nhận lãi ròng đạt 18,8 tỷ đồng, gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 10% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Bảng 18: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng / giảm	Quý I năm 2018
Tổng giá trị tài sản	2.477.029	3.946.833	59,34%	3.950.107
Vốn chủ sở hữu	581.008	880.611	51,57%	905.645
Doanh thu thuần	1.805.317	1.410.359	-21,88%	167.318
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	142.446	215.895	51,56%	23.849
Lợi nhuận khác	16.158	4.396	-72,79%	7.198
Lợi nhuận trước thuế	158.604	220.291	38,89%	31.047
Lợi nhuận sau thuế	136.755	191.111	39,75%	29.360
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	121.593	157.647	29,65%	20.140
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ/ vốn chủ sở hữu bình quân	31,28%	29,30%	-1,98%	n/a
Tỷ lệ cổ tức / vốn điều lệ	30%	23%		n/a

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đạt Phương

Năm 2017 doanh thu thuần hợp nhất của Công ty giảm 21,88% so với năm 2016 nhưng lợi nhuận gộp của Công ty lại tăng 36,45% và lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 51,65%. Do đó lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ tăng 29,65% so với năm 2016. Đạt được kết quả này là nhờ việc quản lý chặt chẽ các chi phí, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong Quý I năm 2018, Đạt Phương đạt doanh thu 167,3 tỷ đồng, giảm 20% so với năm trước, nguyên nhân do báo cáo phải loại bỏ các nguồn thu từ công ty con, đơn vị liên kết và một số dự án bất động sản của công ty mà Đạt Phương xây dựng phần thô. Trong đó, doanh thu hợp đồng xây dựng chiếm 72% cơ cấu; doanh thu bán điện thương phẩm đạt 23%; phần còn lại đến doanh thu bán hàng hóa vật tư. Kết thúc quý đầu năm 2018, Đạt Phương ghi nhận lãi ròng hợp nhất 20,1 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả quý I, Đạt Phương đã thực hiện 17% và 10% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2018. thời điểm quý I luôn là giai đoạn vướng ngày nghỉ lễ Tết nên kết quả không cao. Mặt khác, doanh thu mảng xây lắp hầu hết sẽ được ghi nhận vào nửa cuối năm và doanh thu từ mảng bán điện tập trung chủ yếu vào giữa năm.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- Đội ngũ cán bộ nhân viên nhiệt tình, thường xuyên được đào tạo và có đủ trình độ, kỹ năng đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Tinh thần đoàn kết nhất trí trong nội bộ người lao động của Công ty, sự nhạy bén, quyết liệt trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh của đội ngũ quản lý doanh nghiệp đã góp phần quyết định trong việc tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.
- Công ty có hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý và kinh doanh xây dựng, nhờ đó hao hụt công đoạn giảm xuống đáng kể.

Khó khăn

Tình hình kinh tế trong và ngoài nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thị trường bất động sản, xây dựng vẫn đang trong quá trình phục hồi. Chính phủ cắt giảm đầu tư công, nhiều công trình xây dựng không có vốn để triển khai dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực thi công các dự án cơ sở hạ tầng dân dụng tại Việt Nam

Được thành lập từ năm 2002, Công ty Cổ phần Đạt Phương đã trải qua 17 năm xây dựng và trưởng thành; đến nay Công ty Cổ phần Đạt Phương đã khẳng định được năng lực và uy tín trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, thuỷ điện trong nước.

Các công trình giao thông, thủy điện của Công ty trải dài khắp đất nước và luôn đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và sự hài lòng của khách hàng.

Hình 14: Các đối tác truyền thống của Công ty

Hoạt động kinh doanh minh bạch, vững mạnh và tăng trưởng bền vững từ 2007 đến nay

Kể từ khi trở thành Công ty đại chúng trong năm 2007 đến nay, hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được công bố thông tin đầy đủ và rõ ràng đến các cổ đông và các nhà đầu tư. Báo cáo tài chính qua các năm thể hiện sự tăng trưởng bền vững, ngay cả trong thời kỳ nền kinh tế gặp khủng khoảng giai đoạn 2009 – 2013.

Tiềm năng tăng trưởng lớn trong lĩnh vực cung cấp thủy điện

Nội dung	Sông Bung 6	Sơn Trà 1A	Sơn Trà 1B
Số tổ máy	02	02	02
Công suất định mức	29MW	30MW	30MW
Sản lượng điện dự kiến	120 triệu kwh/năm	108,6 triệu kwh/năm	99,4 triệu kwh/năm
Thời gian vận hành	2012	2018	2018

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Thị trường xây dựng và bất động sản Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng lớn nhờ vào nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định và tác động của các chính sách mới liên quan đến Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Nhà ở sửa đổi:

Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của thị trường bất động sản nhà ở tại Việt Nam

Thị trường bất động sản Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng trưởng tốt nhờ vào tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế và tầng lớp trung lưu. Theo thống kê của World Bank do CBRE tổng hợp, theo đà phát triển chung của nền kinh tế, tỷ lệ tầng lớp trung lưu dự kiến có thể tăng mạnh, từ mức hiện tại 10% năm 2016 lên đến mức 26% năm 2026 và 50% năm 2035.

Tỷ lệ đô thị hóa tại Việt Nam tuy thấp hơn so với các nước trong khu vực, nhưng tốc độ tăng trưởng đô thị hóa của Việt Nam trong 5 năm qua đã tăng trưởng nhanh hơn so với các nước láng giềng. Theo thống kê của World Bank do CBRE tổng hợp, với tốc độ đô thị hóa của Việt Nam, thị trường bất động sản cần thêm 375.000 căn hộ mỗi năm, cao hơn 6 lần tổng số căn hộ bán ra tại 02 thị trường lớn nhất Việt Nam là TP.HCM và Hà Nội trong 03 năm trở lại đây.

Những yếu tố trên cho thấy tiềm năng phát triển dài hạn của thị trường bất động sản Việt Nam. Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách liên quan đến tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Theo số liệu Cục Đầu tư Nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tổng vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp vào Việt Nam đã tăng 47% từ mức 24,4 tỷ USD năm 2016 lên mức 35,9 tỷ USD năm 2017, tổng vốn FDI giải ngân cũng đạt kỷ lục mới là 17,5 tỷ USD, tăng trưởng 10,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó mảng bất động sản vẫn là lĩnh vực hấp dẫn nhất đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Do đó, nhu cầu bất động sản của các nhà đầu tư nước ngoài dự kiến sẽ tăng, đặc biệt là phân khúc cao cấp cũng đã có mức tăng trưởng tốt trong giai đoạn vừa qua.

Nền tảng vĩ mô vững chắc

Tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 6,8% trong năm 2017, trong đó, khu vực xây dựng và công nghiệp tăng 8,0%, đóng góp 2,8 điểm phần trăm và theo sau là khối dịch vụ với 7,4%, đóng góp 2,8 điểm phần trăm và khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản nông nghiệp tăng

2,9%, đóng góp 0,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Theo báo cáo của EIU, Việt Nam tuy là nền kinh tế lớn thứ 6 của ASEAN sau Singapore, Malaysia, Philippines, Indonesia và Thái Lan nhưng được dự báo sẽ có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong khối các nước ASEAN vào năm 2018.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 19: So sánh tình hình tài chính hợp nhất 2017 với các doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên Công ty	CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	CTCP Đạt Phương
Mã cổ phiếu	CTI	SGR	ISH	DPG
Năm thành lập	2000	1999	2006	2002
Vốn điều lệ 31/12/2017	629.999	395.999	450.000	118.577
Ngành kinh doanh chính	Thi công xây lắp	Xây dựng, bất động sản	Sản xuất, kinh doanh điện năng	Xây dựng cơ sở hạ tầng, thủy điện
Doanh thu thuần	1.093.460	532.786	261.398	1.410.358
LNST Công ty mẹ	146.813	139.654	74.096	157.647
ROA	3,67%	9,01%	8,55%	4,91%
ROE	13,04%	13,11%	14,35%	29,30%
EPS	2.598	3.194	1.555	**(*)** 5.277

(*): EPS của Đạt Phương được tính trên số vốn mới trong năm 2018 là 299 tỷ đồng

So với các công ty khác trong ngành xây dựng, DPG có quy mô vốn điều lệ nhỏ hơn nhưng xét đến các chỉ số về lợi nhuận, hoạt động của Công ty đem lại hiệu quả hơn. Trong năm 2017, chỉ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân của Công ty đạt mức 29,30%. EPS Công ty đạt mức 5.277 đồng, cao nhất trong số các công ty so sánh.

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Ngành xây dựng công trình giao thông và ngành năng lượng (sản xuất điện) của Việt Nam đóng một vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Vì vậy, Công ty Cổ phần Đạt Phương đã xác định cho mình một chiến lược phát triển trên cơ sở một số định hướng như sau:

- Xây dựng công ty trở thành một đơn vị nằm trong tốp 5 doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam về lĩnh vực thi công cầu, đủ điều kiện tham gia các dự án quốc tế.
- Tốc độ tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận trong 10 năm tới ở mức trung bình 30%.
- Tổng giá trị sở hữu các dự án thủy điện để hòa lưới điện quốc gia ít nhất tương đương 30MW.
- Từng bước phát triển lĩnh vực đầu tư bất động sản, khách sạn, du lịch…

Trải qua 17 năm hoạt động thi công xây dựng Công ty đã khẳng định được vị thế và chỗ đứng của mình, đặc biệt từ năm 2007 khi Công ty trở thành công ty đại chúng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trở nên minh bạch, hiệu quả hơn. Định hướng phát triển của Công ty được xây dựng dựa trên những dự đoán về phát triển của nền kinh tế, ngành trong và ngoài nước kết hợp với nguồn lực riêng của Công ty. Với chủ trương phát triển bền vững, củng cố uy tín, thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường, Công ty xây dựng kế hoạch phát triển như sau:

- Công ty luôn xác định lấy mục tiêu sản xuất kinh doanh chính là: phát triển xây dựng các công trình giao thông cầu đường, thủy lợi, thủy điện và xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng dân cư đô thị, đầu tư kinh doanh bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng; đầu tư xây dựng, sở hữu các các nhà máy thủy điện… đây vừa là mục tiêu cơ bản vừa là động lực chính để phát triển công ty lâu dài.
- Đa đạng hóa nhiều lĩnh vực trong ngành xây dựng: Do Công ty hoạt động tập trung vào lĩnh vực xây dựng cầu đường, do vậy trong thời gian tới Công ty sẽ mở rộng sang các lĩnh vực tiềm năng khác của ngành xây dựng như trên để phù hợp với định hướng phát triển ngành cũng như nhu cầu thị trường bất động sản ngày một tăng tại Việt Nam.
- Phát triển sản xuất doanh nghiệp phải chú trọng: tăng trưởng doanh thu cần đi đôi với ổn định bền vững và có hiệu quả kinh tế nhằm cải thiện nâng cao đời sống cán bộ công

nhân viên công ty và đảm bảo tăng nộp nghĩa vụ ngân sách nhà nước.

- Từng bước đổi mới công nghệ sản xuất thay thế và hiện đại hóa các tài sản: máy móc thiết bị thi công nhằm đáp ứng các yêu cầu về tiến độ đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật các công trình xây dựng do chủ đầu tư đặt ra và các điều khoản cam kết đã ký của các hợp đồng.

Như vậy, định hướng phát triển của Công ty cổ phần Đạt Phương là phù hợp với định hướng phát triển ngành của Chính phủ, phù hợp với triển vọng phát triển Ngành trong thời gian tới.

9 Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tổng số người lao động của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017 là 631 người với cơ cấu người lao động cụ thể như sau:

Bảng 20: Cơ cấu lao động

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
1	Trình độ sau đại học	03	0,48%
2	Trình độ Đại học và trên đại học	182	28,84%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	54	8,56%
4	Công nhân lao động	395	62,60%
	Tổng cộng	**631**	**100,00%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Đạt Phương

Công ty có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nhiều kinh nghiệm, gắn liền với thực tế sản xuất, đã trưởng thành qua nhiều công trình trong và ngoài nước. Có đội ngũ công nhân lành nghề có tính kỹ luật cao, có thiết bị công nghệ đáp ứng được các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

9.2 Các chính sách đối với lao động (đào tạo, lương thưởng, trợ cấp)

❖ **Chính sách tuyển dụng và đào tạo**

- Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ để mỗi người có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và hợp tác với đồng nghiệp.
- Thực hiện công tác tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định đảm bảo chất lượng đầu vào và có cơ chế, chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao và tư vấn có nhiều kinh nghiệm.

❖ **Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp**

- Công ty đã và tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công

việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

- Chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý tay nghề cao có nhiều cải tiến trong sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.
- Chế độ: BHXH, BHYT, BHTN, công đoàn, trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động được cấp phát đầy đủ, kịp thời.
- Hàng năm, Công ty đều tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ. Các ngày lễ lớn đều chi các khoản thưởng đầy đủ cho người lao động.

10 Chính sách cổ tức

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngay khi trả hết số cổ tức đã quy định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả đồng thời đảm bảo đủ vốn cho hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tiếp theo.

Bảng 21: Danh mục tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ qua các năm

Năm	Tỷ lệ	Hình thức chi trả
2014	25%	Bằng tiền
2015	30%	Bằng tiền
2016	30%	Cổ phiếu
2017	23%	Bằng tiền
2018	Dự kiến 15% – 20%	

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ DPG qua các năm

Ngoài ra trong năm 2018 Công ty đã thực hiện phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phân bổ quyền là 1:1,53.

11 Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Bảng 22: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
Phương tiện vận tải	06 – 07 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm
Tài sản cố định khác	03 – 06 năm

Nguồn: BCTC kiểm toán của CTCP Đạt Phương

Mức thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên

Trong năm 2017, thu nhập bình quân đầu người của người lao động trong toàn Công ty đạt 16,47 triệu đồng/người/tháng. Mức thu nhập của Công ty là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và tình hình chung tại các doanh nghiệp cùng ngành.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào đến hạn hoặc quá hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

Bảng 23: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.312	28.425	4.715
Thuế thu nhập cá nhân	1.955	1.522	1.644
Thuế tài nguyên	653	260	224
Các loại khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	310	213	74
Tổng cộng	**22.229**	**30.420**	**6.657**

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và 2017; BCTC riêng quý I năm 2018 - DPG

Bảng 24: Số dư các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu VND

Năm	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Thuế GTGT	1.766	5.171	1.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.390	30.370	4.865
Thuế thu nhập cá nhân	2.254	2.234	1.983
Thuế tài nguyên	1.999	1.328	833
Thuế khác	-	18	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	310	213	74
Tổng cộng	**26.719**	**39.333**	**9.065**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và 2017; BCTC hợp nhất quý I /2018 - DPG

Công ty nộp các khoản phải nộp theo luật định đúng quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành. Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Bảng 25: Số dư các quỹ tại các thời điểm

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	BCTC Công ty mẹ			BCTC hợp nhất		
	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Quỹ phúc lợi, khen thưởng	18.843	25.982	25.982	22.067	31.467	35.702
Quỹ Đầu tư phát triển	33.938	41.353	41.353	35.716	44.333	46.986
Quỹ khác	-	-		500	500	500

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017; BCTC quý I /2018 - DPG

Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm hiện tại, Công ty không có bất cứ khoản nợ quá hạn nào.

Bảng 26: Chi tiết số dư khoản vay của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Đối tượng cho vay	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Vay ngắn hạn			
Vay ngắn hạn ngân hàng	239.893	498.357	481.458
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN Thăng Long	*184.521*	*232.567*	*178.148*
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Nam Thăng Long	*55.372*	*259.680*	*303.310*
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN TP.HCM	-	*6.110*	-
Vay các bên liên quan	1.000	1.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	27.166	24.863	18.072
Tổng vay ngắn hạn	**268.060**	**524.221**	**499.530**
Vay dài hạn			
Vay ngân hàng (VNĐ)	44.927	20.064	20.064

Đối tượng cho vay	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN Thăng Long	*15.532*	*2.217*	*2.217*
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Nam Thăng Long	*4.252*	*2.708*	*2.708*
Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hoàn Kiếm	*25.144*	*15.139*	*15.139*
Trái phiếu thường dài hạn (*)	-	236.765	236.891
Tổng vay dài hạn	**44.927**	**256.829**	**256.955**

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và 2017; BCTC riêng quý I năm 2018 - DPG

Bảng 27: Chi tiết số dư các khoản vay hợp nhất

Đối tượng cho vay	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN Thăng Long	*185.318*	232.567	178.148
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Nam Thăng Long	*55.372*	259.680	303.310
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN 10 T.P Hồ Chí Minh	*2.620*	15.348	-
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	4.084	1.000	-
Vay các đối tượng khác	12.670	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	52.733	73.541	54.072
Tổng vay ngắn hạn	**312.797**	**582.136**	**535.530**
Vay dài hạn			
Ngân hàng Đầu tư&Phát triển – CN Thăng Long	16.209	2.217	2.217
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN 12 (*)	790.966	1.251.450	1.434.402
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Nam Thăng Long	4.252	2.708	2.708

Đối tượng cho vay	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hoàn Kiếm	25.144	15.139	15.139
Trái phiếu thường dài hạn (**)	-	236.765	236.891
Tổng vay dài hạn	**836.571**	**1.508.279**	**1.691.357**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và 2017; BCTC hợp nhất quý I năm 2018 - DPG

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh 12 Tp. Hồ Chí Minh bao gồm hợp đồng vay cho Dự án Thủy điện Sông Bung 6 và Dự án Thủy điện Sơn Trà 1A và 1B. Khoản vay tăng đột biến trong năm 2017 là do Công ty đã thực hiện giải ngân cho việc mua máy móc lắp đặt cho Dự án Thủy điện Sơn Trà 1A và Sơn Trà 1B. Khoản vay được đảm bảo bởi toàn bộ các tài sản hình thành từ dự án.

(**) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 05 năm, mệnh giá 1.000.000.000 VND, lãi suất 7,8% đối với năm đầu, các năm sau lãi suất thả nổi, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 TP Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty và thanh toán đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 (cầu Đế Võng) trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại theo hình thức xây dựng- chuyển giao (BT). Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BT. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 239.000.000.000 VND. Chi phí phát hành trái phiếu là 2.390.000.000 VND, trong đó chi phí phát hành trái phiếu đã được phân bổ vào trong năm là 155.168.521 VND.

Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 28: Số dư các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu VND

Năm	BCTC Công ty mẹ			BCTC hợp nhất		
	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Các khoản phải thu ngắn hạn	**444.463**	**824.162**	**1.034.714**	**500.488**	**784.700**	**804.700**
Phải thu khách hàng	346.631	782.167	927.547	352.972	719.714	711.062
Trả trước cho người bán	65.518	29.203	64.156	113.879	38.482	63.942

Các khoản phải thu khác	32.313	12.792	43.011	33.637	26.504	29.697
Các khoản phải thu dài hạn	**-**	**59.000**	**59.000**	**100.000**	**-**	**-**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và năm 2017; BCTC quý I năm 2018 - DPG

Bảng 29: Số dư các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu VND

Khoản mục	BCTC Công ty mẹ			BCTC hợp nhất		
	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Nợ ngắn hạn	**909.556**	**1.181.706**	**1.093.930**	**1.020.073**	**1.535.302**	**1.287.391**
Phải trả người bán	174.186	221.661	151.183	173.023	450.522	244.113
Người mua trả tiền trước	292.948	214.086	297.026	265.745	214.470	297.410
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.229	30.420	6.657	26.719	39.333	9.065
Phải trả người lao động	29.148	13.733	7.954	35.323	21.617	11.153
Chi phí phải trả	1.914	75.320	95.189	16.865	96.770	122.053
Phải trả ngắn hạn khác	98.238	61.518	2.704	162.911	84.223	24.661
Vay ngắn hạn	268.060	524.221	499.530	312.797	582.136	535.530
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.988	14.765	7.705	4.623	14.765	7.705
Quỹ khen thưởng, phúc	18.843	25.982	25.982	22.067	31.467	35.702

Khoản mục	BCTC Công ty mẹ			BCTC hợp nhất		
	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
lợi						
Nợ dài hạn	**82.333**	**279.470**	**279.596**	**875.948**	**1.530.920**	**1.757.071**
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-	-	43.073
Vay dài hạn	44.927	256.829	256.955	836.571	1.508.279	1.691.357
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	1.971	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	37.406	22.641	22.641	37.406	22.641	22.641

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và năm 2017; BCTC quý I năm 2018 - DPG

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016 (mẹ)	Năm 2017 (mẹ)	Năm 2016 (hợp nhất)	Năm 2017 (hợp nhất)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,08	1,22	1,23	1,12
Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	Lần	0,93	1,13	0,99	1,01
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,71	0,77	0,78
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,48	2,43	3,26	3,48

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016 (mẹ)	Năm 2017 (mẹ)	Năm 2016 (hợp nhất)	Năm 2017 (hợp nhất)
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	Lần	13,26	15,02	7,09	5,36
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,57	1,16	0,80	0,44
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số LNST /Doanh thu thuần	%	5,07%	7,38%	7,58%	13,55%
Hệ số LNST (cổ đông công ty mẹ)/Vốn CSH bình quân (tính theo hợp nhất, đã loại trừ lợi ích cổ đông thiểu số)	%	30,20%	29,68%	31,28%	29,30%
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	7,98%	8,59%	6,09%	5,95%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,34%	8,83%	7,89%	15,31%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đạt Phương

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty luôn lớn hơn 1. Năm 2016 hệ số thanh toán ngắn hạn tại Công ty mẹ đạt 1,08 lần, thấp hơn so với số liệu năm 2017, đạt 1,22 lần. Trên số liệu hợp nhất, hệ số thanh toán của Công ty mẹ đạt 1,23 lần năm 2016 và giảm xuống còn 1,12 lần năm 2017. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, hệ số thanh toán ngắn hạn trên 1 cho thấy Công ty có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tốt và ổn định qua các năm.

Hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2016 trên Công ty mẹ đạt 0,93 lần và trên số liệu hợp nhất đạt 0,99 lần. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đã lớn hơn 01 trong năm 2017, trên Công ty mẹ hệ số đạt 1,13 lần và đạt 1,01 lần trên số liệu hợp nhất.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty đạt mức 0,71 lần – 0,78 lần xét trên cả Công ty mẹ và số liệu hợp nhất. Hệ số nợ trên tổng tài sản cho thấy dư nợ của Công ty qua các năm 2016 và 2017 là khá an toàn, cơ cấu tài chính lành mạnh.

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ năm 2016 đạt 2,48 lần và cao hơn so với cùng kỳ năm 2017 đạt 2,43 lần. Hệ số này trên số liệu hợp nhất cao hơn rất nhiều, đạt 3,26 lần trong năm 2016 và đạt 3,48 lần trong năm 2017.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Hệ số vòng quay hàng tồn kho thể hiện khả năng quản trị hàng tồn kho hiệu quả như thế nào. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho càng cao càng cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều trong doanh nghiệp. Có nghĩa là doanh nghiệp sẽ ít rủi ro hơn nếu nhìn thấy trong báo cáo tài chính, khoản mục hàng tồn kho có giá trị giảm qua các năm.

Hoạt động chính của Công ty mẹ là xây dựng nên hàng tồn kho qua các năm là công cụ dụng cụ và chủ yếu là giá trị chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (là các công trình xây dựng đang hoàn thiện và chưa bàn giao). Hệ số vòng quay hàng tồn kho tại Công ty mẹ đạt 13,26 lần trong năm 2016 và 15,02 lần trong năm 2017. Hệ số vòng quay hàng tồn kho tại số liệu hợp nhất đạt 7,09 lần trong năm 2016 và giảm xuống còn 5,36 lần trong năm 2017, nguyên nhân chính là số dư hàng tồn kho cuối năm 2017 đã giảm so với năm 2016 và hoạt động chính của các công ty con là trong lĩnh vực thủy điện.

Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân của Công ty mẹ đạt 1,57 lần trong năm 2016 và giảm còn 1,16 lần trong năm 2017. Hệ số trên số liệu hợp nhất đạt 0,80 lần trong năm 2016 và giảm còn 0,44 lần trong năm 2017. Điều này cho thấy mức tăng tổng tài sản của Công ty trong năm 2017 lớn hơn nhiều so với mức tăng của doanh thu.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số LNST /Doanh thu thuần của Công ty mẹ đạt 5,07% trong năm 2016 và tăng lên mức 7,38% trong năm 2017. Tương tự hệ số LNST/doanh thu thuần trên hợp nhất đạt 7,58% trong năm 2016 và tăng lên 13,55% trong năm 2017. Điều này cho thấy xu hướng tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm.

Hệ số ROE của Công ty qua các năm luôn đạt xấp xỉ 29% - 30% qua các năm 2016 và 2017 trên cả Công ty mẹ và số liệu hợp nhất. Hệ số ROE phản ánh năng lực sử dụng đồng vốn của doanh nghiệp để sinh lợi như thế nào. So với các công ty cùng ngành, hệ số ROE của Công ty là tương đối cao.

Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân của Công ty mẹ năm 2016 đạt 7,98%, thấp hơn so với số liệu 8,59% trong năm 2017. Tại số liệu hợp nhất, hệ số năm 2016 đạt 6,09% và giảm trong năm 2017 còn 5,59%.

Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần của Công ty có xu hướng tăng trong năm 2017. Trên số liệu hợp nhất, hệ số đạt 15,31% gần gấp đôi so với số liệu 7,89% trong năm 2016. Tại Công ty mẹ, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đạt 8,83% trong năm 2017 và nhiều gấp 02 lần so với số liệu 5,34% trong năm 2016.

12 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên với thông tin cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Lương Minh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1970	001070002520
2	Phạm Kim Châu	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1962	040062000201
3	Phạm Quang Bình	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1971	034071001745
4	Lương Thị Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị	1959	001159002244
5	Trần Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1969	012661114

❖ **Ông Lương Minh Tuấn - Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên:	Lương Minh Tuấn
Số CMND:	001070002520 do CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp cấp ngày 24/11/2014
Quốc tịch:	Việt Nam
Ngày sinh:	14/08/1970
Địa chỉ thường trú:	SN49, ngách 61/17 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	+ Chuyên môn kỹ thuật: Kỹ sư cầu hầm – Đại học GTVT Hà Nội; + Chuyên môn chính trị: Cao cấp lý luận chính trị - Học

	viện Chính trị Nguyễn Ái Quốc; + Chuyên môn quản lý: Giám đốc điều hành chuyên nghiệp Tổ hợp Giáo dục PACE.
Quá trình công tác:	
- Từ 01/1993 – 10/1996	Cán bộ kỹ thuật – Công ty GTGT 134 – Hà Nội
- Từ 11/1996 – 5/1997	Đội phó Đội công trình 3 – Công ty GTGT 134 – Hà Nội
- Từ 5/1997 – 6/1998	Quyền đội trưởng đội công trình 3 – Công ty GTGT 134 – Hà Nội
- Từ 7/1998 – 8/1999	Đội trưởng đội xây dựng dựng cầu 2 – Công ty GTGT 134 – Hà Nội
- Từ 9/1999 – 3/2001	Trưởng ban điều hành khu vực Tây Nguyên kiêm Đội trưởng Đội xây dựng cầu 2 – Công ty GTGT 134 – Hà Nội
- Từ 04/2001 – 9/2002	Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh Tây Nguyên – Công ty GTGT 134 – Hà Nội
- Từ 10/2002 – 12/2003	Phó Giám đốc Công ty kiêm Đại diện khu vực phía Nam – Công ty GTGT 134 – Hà Nội
- Từ 1/2004 – 02/2004	Phó Giám đốc – CTCP Xây dựng và Vận tải Đạt Phương
- Từ 03/2004 – 27/09/2005	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Xây dựng và Vận tải Đạt Phương
- Từ 28/09/2005 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị - CTCP Đạt Phương
- Từ 28/09/2005 – 02/10/2017	Tổng Giám đốc - CTCP Đạt Phương
- Từ 05/2009 – Nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị - CTCP Sông Bung
- Từ 09/2010 đến 04/2013	Chủ tịch Hội đồng thành viên – Công ty TNHH MTV Đạt Phương 1
- Từ 09/2010 đến T12/2016	Chủ tịch Hội đồng thành viên – Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn
- Từ 7/2014 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị - CTCP 30-4 Quảng Ngãi
- Từ 16/08/2017 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị - CTCP Đạt Phương Hội An

Chức vụ đang nắm giữ tại DPG	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ tại các tổ chức khác:	+ Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Sông Bung + Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP 30-4 Quãng Ngãi + Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Đạt Phương Hội An
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	4.782.694 cổ phần
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Trần Thị Thúy Hằng	Hộ chiếu số 82A 031190084 do Tổng cục Hậu Cần cấp ngày 01/09/2003	873.639 CP (2,91%)	Vợ
2.	Nguyễn Thị Phóng	110245302 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/02/2011	32.693 CP (0,11%)	Mẹ vợ
3	Lương Thị Thanh	001159002244 do CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp cấp ngày 18/12/2014	2.726.530 CP (9,09%)	Chị ruột
4	Lương Tuấn Minh	111120602 do Công an tỉnh Hà Tây cấp ngày 21/05/1999	1.289.244 CP (4,30%)	Anh ruột
5	Lương Xuân Mẫn	111984824 do Công an Hà Tây cấp ngày 09/04/2003	677.488 CP (2,26%)	Anh ruột
6	Huỳnh Thị Phương Dung	011346554 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/10/1984	91.080 CP (0,30%)	Chị dâu

7	Lương Thị Lan	001163000589 do Công an Hà Nội cấp ngày 30/12/2013	382.728 CP (1,27%)	Chị ruột
8	Trịnh Viết Tùy	111059637 do Công an Hà Tây cấp ngày 11/04/2007	177.215 CP (0,59%)	Anh rể

Các khoản nợ với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

❖ **Ông Phạm Kim Châu – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Phạm Kim Châu
Số CMND:	040062000201 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 12/10/2016
Quốc tịch:	Việt Nam
Ngày sinh:	02/09/1962
Địa chỉ thường trú:	Số 33(B3) Khu TT học viện chính trị quốc gia TP. Hồ Chí Minh – Nghĩa Tân, Cầu Giấy – Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cầu hầm
Quá trình công tác:	
- 1981-1984	Bộ đội – QĐND Việt Nam
- 1984-1998	Công tác cung ứng vật tư thiết bị Thăng Long – Tổng Công ty Thăng Long
- 1988-1992	Sinh viên – Đại học GTVT Hà Nội
- 1993-2003	Kỹ sư – Công ty Cầu 7 Thăng Long
- 2004 – 27/9/2005	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xây dựng và Vận tải Đạt Phương
- 28/9/2005 đến 01/01/2017	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Đạt Phương

- Từ 02/10/2017 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Đạt Phương
- Từ 5/2009 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Sông Bung
- T10/2010-T4/2013	Giám đốc – Công ty TNHH MTV Đạt Phương 1
- Từ 7/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP 30-4 Quảng Ngãi
Chức vụ đang nắm giữ tại DPG	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác:	+ Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Sông Bung; + Thành viên Hội đồng quản trị CTCP 30-4 Quãng Ngãi
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ	1.990.227 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Võ Thị Phương Lâm	012478609 do Công an Hà Nội cấp ngày 27/02/2002	426.307 CP (1,42%)	Vợ
2.	Võ Thị Thái Hòa	011324942 do CA Hà Nội cấp ngày 12/01/2006	238.174 CP (0,79%)	Chị dâu

Các khoản nợ với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

❖ **Ông Phạm Quang Bình – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Phạm Quang Bình
Số hộ chiếu:	034071001745 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08/09/2015
Quốc tịch:	Việt Nam

Ngày sinh:	02/03/1971
Địa chỉ:	C2-1402 tg 14-C2 khu văn phòng và nhà ở chung cư Vinaconex 1, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cầu hầm
Quá trình công tác:	
- Từ 1993 – 09/2010	Cán bộ tại Phòng cầu hầm – Viện KHCN GTVT – Hà Nội
- Từ 09/2010 – 01/10/2017	Phó Tổng giám đốc – CTCP Đạt Phương
- Từ 04/2016 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Đạt Phương
- Từ T12/2016-Nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên – Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn
- Từ 02/10/2017 - nay	Tổng giám đốc – CTCP Đạt Phương
- Từ T8/2017 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Đạt Phương Hội An
Chức vụ đang nắm giữ tại DPG	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác:	+ Thành viên HĐQT CTCP Đạt Phương Hội An + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ	746.466 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Nguyễn Thị Phóng	110245302 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/02/2011	32.693 CP (0,11%)	Mẹ vợ

Các khoản nợ với công ty	Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

❖ **Bà Lương Thị Thanh - Thành viên HĐQT**

Họ và tên:	Lương Thị Thanh
Số CMND:	001159002244 do CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp cấp ngày 18/12/2014
Quốc tịch:	Việt Nam
Ngày sinh:	20/4/1959
Địa chỉ:	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân sư phạm
Quá trình công tác:	
- Từ 1982 – 1986	Giáo viên – Trưởng THCS Lạc Sơn A, tỉnh Hòa Bình
- Từ 1987 – 08/1989	Giáo viên – Trường THCS Xuân Mai A, xã Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Tây
- Từ 09/1989 – 2011	Giáo viên – THCS Bê Tông, xã Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Tây
- Từ 2012 – Nay	Nghỉ chế độ hưu trí
- Từ 04/2009 – nay	Thành viên HĐQT – CTCP Đạt Phương
Chức vụ đang nắm giữ tại DPG	Thành viên HĐQT
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ	2.726.530 cổ phần
Đại diện sở hữu	0

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ

1.	Đặng Thanh Hường	013001318 do Công an Hà Nội cấp ngày 24/08/2007	46.425 CP (0,15%)	Con gái
2.	Lương Tuấn Minh	111120602 do Công an tỉnh Hà Tây cấp ngày 21/05/1999	1.289.244 CP (4,30%)	Em ruột
3.	Lương Xuân Mẫn	111984824 do Công an Hà Tây cấp ngày 09/04/2003	677.488 CP (2,26%)	Em ruột
4.	Huỳnh Thị Phương Dung	011346554 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/10/1984	91.080 CP (0,30%)	Em dâu
5.	Lương Thị Lan	001163000589 do Công an Hà Nội cấp ngày 30/12/2013	382.728 CP (1,28%)	Em ruột
6.	Trịnh Viết Tùy	111059637 do Công an Hà Tây cấp ngày 11/04/2007	177.215 CP (0,59%)	Em rể
7.	Lương Minh Tuấn	001070002520 do CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp cấp ngày 24/11/2014	4.782.694 CP (15,94%)	Em ruột
8.	Trần Thị Thúy Hằng	Hộ chiếu số 82A 031190084 do Tổng cục Hậu Cần cấp ngày 01/09/2003	873.639 CP (2,91%)	Em dâu

Các khoản nợ với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

❖ Ông Trần Anh Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Trần Anh Tuấn
Số CMND:	012661114 do CA Hà Nội cấp ngày 29/06/2009
Quốc tịch:	Việt Nam
Ngày sinh:	23/08/1969
Địa chỉ:	217 – A4 TT Đại học Luật, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cầu đường
Quá trình công tác:	
- Từ 1993 – 2003	NV Kỹ thuật – Công ty GTGT 134 Hà Nội
- Từ 2004 – 27/9/2005	Đội trưởng Đội thi công – CTCP Xây dựng và Vận tải Đạt Phương
- Từ 4/2005 – 27/9/2005	Đội trưởng kiêm Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Xây dựng và Vận tải Đạt Phương
- Từ 28/9/2005 – 2/2010	Đội trưởng kiêm Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Đạt Phương
- Từ 03/2010 – 03/2013	TV Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Đội trưởng - CTCP Đạt Phương
- Từ 04/2013 – Nay	Thành viên HĐQT - CTCP Đạt Phương
- Từ 05/2009 – 03/2013	Thành viên HĐQT - CTCP Sông Bung
- Từ 03/2013 – Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - CTCP Sông Bung
- Từ 07/2013 – Nay	Thành viên HĐQT – CTCP 30-4 Quảng Ngãi
- Từ 12/12/2017- Nay	Phó Tổng giám đốc – CTCP Đạt Phương
Chức vụ đang nắm giữ tại DPG	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác:	+ Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Sông Bung; + Thành viên Hội đồng quản trị CTCP 30-4 Quãng Ngãi + Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Bung
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ	1.732.730 cổ phiếu

Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Phan Thị Tuyết Nhung	011714546 do Công an Hà Nội cấp ngày 11/07/2013	59.429 CP (0,19%)	Vợ
2.	Nguyễn Thị Tùng	011788620 do Công an Hà Nội cấp ngày 16/02/2009	47.120 CP (0,16%)	Mẹ vợ

Các khoản nợ với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

12.2 Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hiện tại Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm các thành viên sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Phạm Quang Bình	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1971	034071001745
2	Phạm Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT	1962	040062000201
3	Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1969	012661114
4	Lê Ngọc Hào	Phó Tổng Giám đốc	1973	013105267
5	Trần Thái Lợi	Phó Tổng Giám đốc	1950	012079738
6	Ngô Đức Tình	Phó Tổng Giám đốc	1977	111363828

❖ **Ông Phạm Quang Bình – Tổng Giám đốc**

Đã trình bày tại mục trên

❖ **Ông Phạm Kim Châu – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Đã trình bày ở mục trên

❖ **Ông Trần Anh Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Đã trình bày ở mục trên

❖ **Ông Lê Ngọc Hào - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Lê Ngọc Hào
Số CMND:	013105267 do Công an Hà Nội cấp ngày 14/06/2008
Quốc tịch:	Việt Nam
Ngày sinh:	29/05/1973
Địa chỉ:	T2802 tháp Tây, tổ hợp nhà đa năng 28 tầng, Làng quốc tế Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế xây dựng cầu đường
Quá trình công tác	
- 1996-1997	Cán bộ kế hoạch – Công ty Cầu 11 Thăng Long
- 1997-2004	Cán bộ kế hoạch Kỹ thuật – Công ty Công trình Giao thông 134
- 2004-27/9/2005	Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật – CTCP Xây dựng và Vận tải Đạt Phương
- 28/9/2005 –T11/2006	Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật – CTCP Đạt Phương
- T12/2006 – nay	Phó Tổng giám đốc – CTCP Đạt Phương
Chức vụ đang nắm giữ tại DPG:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ	428.485 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ

1.	Lê Ngọc Cương	038084009923 do CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp cấp ngày 21/09/2017	70.431 CP (0,23%)	Em trai

Các khoản nợ với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Theo Quy chế lao động Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

❖ **Ông Trần Thái Lợi - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Trần Thái Lợi
Số CMND:	012079738 do CA Hà Nội cấp ngày 29/11/1997
Quốc tịch:	Việt Nam
Ngày sinh:	19/12/1950
Địa chỉ:	Số nhà 108 phố Đông Các, quận Đống Đa, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư máy xây dựng
Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Đạt Phương:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
- T6/1975 đến T9/1978	Kỹ sư, kỹ thuật viên – Đội xe Công trường XD Nhà máy Đóng tàu Hạ Long (Cục Công trình II), Trưởng XD nhà máy Đóng tàu Hạ Long (Cục Công trình II)
- T10/1978 đến T8/1980	Biệt phái Kỹ sư, kỹ thuật viên – Quân khu IV (BQP)
- T5/1983 đến T11/1989	Kỹ sư, chuyên viên – Phòng Quản lý Thiết bị KTKH Liên hiệp các xí nghiệp Giao thông II
- T12/1989 đến T11/1991	Hợp tác lao động – IRAQ
- T2/1991 đến T7/1992	Kỹ sư máy xây dựng – Khu Quản lý đường bộ II
- T8/1992 đến T12/1993	Trưởng phòng Vật tư thiết bị – Công ty Công trình Giao thông 134
- T1/1994 đến T4/1999	Đội trưởng – Công ty Công trình Giao thông 134

- T4/1999 đến T2/2001	Kỹ sư, đội trưởng đội thi công cơ giới II – Công ty Công trình Giao thông 134
- T3/2001 đến T2/2008	Phó giám đốc – Công ty Công trình Giao thông 134
- 25/03/2008 đến T12/2014	Nghỉ chế độ hưu trí
- T1/2015 đến nay	Phó Tổng giám đốc – CTCP Đạt Phương
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ	22.770 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu	Không có
Các khoản nợ với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Theo Quy chế lao động Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

❖ **Ông Ngô Đức Tình - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Ngô Đức Tình
Số CMND:	111363828 do CA Hà Tây (cũ) cấp ngày 13/06/2003
Quốc tịch:	Việt Nam
Ngày sinh:	30/09/1977
Địa chỉ:	P301-N6E-KĐT Trung Hòa- Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
- 2000-2006	Giám đốc chi nhánh – Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Sơn Vũ tại Hà Nội
- 2007-2013	Phó Tổng giám đốc – Công ty Invest 19
- 2007 – 2013	Giám đốc – Chi nhánh Công ty Đầu tư Địa ốc Thành Đô – Công ty Land tại Hà Nội
- 2014 - nay	Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư Xây dựng Lập Tín

- T4/2015 – nay	Phó Tổng giám đốc – CTCP Đạt Phương
Chức vụ đang nắm giữ tại DPG	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư xây dựng Lập Tín.
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu	0 cổ phiếu
Các khoản nợ với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Theo Quy chế lao động Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

❖ **Bà Đỗ Thị Thu – Phụ trách phòng Tài chính - kế toán**

Họ và tên:	Đỗ Thị Thu
Số CMND:	013296716 do Công an Hà Nội cấp ngày 13/05/2010
Quốc tịch:	Việt Nam
Ngày sinh:	02/09/1980
Địa chỉ:	Tổ DP số 6, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
- 2002 – 27/09/2005	Phó phòng phụ trách phòng Tài chính – Kế toán CTCP Xây dựng và Vận tải Đạt Phương
- 28/09/2005 – 05/4/2017	Phó phòng phòng Tài chính – Kế toán CTCP Đạt Phương
- 10/2010 - 03/2013	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Đạt Phương 1
- 4/2014 - Nay	Thành viên BKS CTCP Sông Bung
- 04/2016 - Nay	Trưởng BKS CTCP cổ phần 30-4 Quảng Ngãi
- 08/2017 - Nay	Thành viên BKS CTCP Đạt Phương Hội An

- 05/04/2017 - nay	Phụ trách phòng Kế toán – Tài chính
Chức vụ đang nắm giữ tại DPG	Phụ trách phòng Kế toán – Tài chính
Chức vụ tại các tổ chức khác:	-Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi; -Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Bung; -Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ	40.800 CP tương ứng với 0,14% VĐL trong đó:
- Cá nhân sở hữu:	40.800 CP tương ứng với 0,14% VĐL
- Đại diện sở hữu:	Không có
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: Không có	
Các khoản nợ với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Theo Quy chế lao động Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

12.3 Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

Hiện tại Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm các thành viên sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Vũ Văn Phi	Trưởng BKS	1964	011416400
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên BKS	1985	111986786
3	Nguyễn Thị Hồng Điệp	Thành viên BKS	1981	013495277

❖ **Ông Vũ Văn Phi - Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên:	Vũ Văn Phi
Số CMND:	011416400 do CA Hà Nội cấp ngày 25/08/2007
Quốc tịch:	Việt Nam
Ngày sinh:	13/04/1964
Địa chỉ:	Tổ 12, Phường Phú Diễn, Q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác	
- 1988-1990	Cán bộ - Xí nghiệp Chế biến Bông sợi Nam Định
- 1991-1996	Cán bộ - Công ty Truyền thanh – Truyền hình Nam Định
- 1997-1998	Cán bộ - Công ty Công trình Giao thông 118 tại Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
- 1999-4/2006	Phó phòng Tài chính - Kế toán – CTCP 118 tại Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
- Từ T5/2006 đến T9/2010	Kế toán trưởng – CTCP Đạt Phương
- T10/2010 đến T3/2013	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Đạt Phương 1
- Từ T4/2013 - 08/04/2018	Kế toán trưởng – CTCP Đạt Phương
- Từ 09/04/2018 - nay	Trưởng BKS – CTCP Đạt Phương
Chức vụ đang nắm giữ tại DPG	Trưởng BKS
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không có
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ	313.788 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu

TT	Tên cá nhân	Số CMND	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Nguyễn Thị Quyên	013296169 do Công an Hà Nội cấp ngày 02/04/2010	102.510 CP (0,34%)	Vợ

Các khoản nợ với công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Thù lao BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

❖ **Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên:	Nguyễn Thị Ngọc Anh
Số CMND:	111986786 do CA Hà Nội cấp ngày 23/02/2009

Quốc tịch:	Việt Nam
Ngày sinh:	11/07/1985
Địa chỉ:	Thôn Xuân Trung, xã Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế Chuyên ngành Tài chính – Kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ 2007 – 2014	Chuyên viên – Ngân hàng ACB
- Từ 2015 – 04/2016	Thư ký Ban Tổng Giám đốc – CTCP Đạt Phương
- Từ 04/2016 – 04/2018	Trưởng Ban kiểm soát – CTCP Đạt Phương
- Từ 09/04/2018 – nay	Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Đạt Phương
Chức vụ đang nắm giữ tại DPG:	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	32.890 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Nguyễn Anh Quân	112171698 do Công an Hà Nội cấp ngày 21/10/2004	29.378 CP (0,098%)	Em trai

Các khoản nợ với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Thù lao BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

❖ **Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp - Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên:	Nguyễn Thị Hồng Điệp
Số CMND:	013495277 do Công an Hà Nội cấp ngày 17/01/2012
Quốc tịch:	Việt Nam

Ngày sinh:	27/10/1981
Địa chỉ:	19A, hẻm 129/2/29 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế xây dựng
Quá trình công tác:	
- Từ 2003 – 2008	Nhân viên – Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội
- Từ 01/2009 – 06/2009	Nhân viên – Tổng Công ty Xây dựng miền Trung
- Từ 06/2009 – 09/2010	Nhân viên – CTCP Đạt Phương
- Từ 10/2010 – 04/2013	Nhân viên – Công ty TNHH MTV Đạt Phương 1
- Từ 04/2013 – 12/2017	Nhân viên – CTCP Sông Bung
- Từ 04/2016 – Nay	Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Đạt Phương
Chức vụ đang nắm giữ tại DPG	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	0 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu	Không có
Các khoản nợ với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Thù lao BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không có

13 Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 31: Tình hình tài sản hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2017

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	**929.836**	**317.423**	**612.413**

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Nhà cửa, vật kiến trúc	377.022	59.877	317.145
Máy móc, thiết bị	475.372	208.465	266.907
Phương tiện vận tải	69.829	44.240	25.588
Thiết bị, dụng cụ quản lý	668	563	104
TSCĐ khác	6.946	4.277	2.668
Tài sản cố định vô hình	**565**	**57**	**508**
Phần mềm máy tính	57	57	-
Quyền sử dụng đất	508	-	508

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của CTCP Đạt Phương

Bảng 32: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang hợp nhất tại 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	***89.304.800***	***441.122.981***	***530.427.781***
Xây dựng cơ bản dở dang	**509.597.243.371**	**1.072.291.417.882**	**1.581.888.661.253**
Công trình thủy điện Sơn Trà	507.528.970.217	950.089.561.199	1.457.618.531.416
Dự án Khu đô thị Đồng Nà và Võng Nhi		120.691.634.183	120.691.634.183
Các dự án khác	2.068.273.154	1.510.222.500	3.578.495.654
Cộng	**509.686.548.171**	**1.072.732.540.863**	**1.582.419.089.034**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của CTCP Đạt Phương

Bảng 33: Danh mục một số máy móc thiết bị có giá trị lớn của Công ty

TT	Tên	Ngày đưa vào sử dụng	Thời gian khấu hao	Nguyên giá (VND)	Xuất xứ
1.	Máy phun vữa FURUKAWA CJM2200E	06-07-2015	6 năm	2.409.090.909	Nhật Bản
2.	Cần trục bánh xích KOBELCO 7055-1	01-07-2009	5 năm	3.400.000.000	Nhật Bản

TT	Tên	Ngày đưa vào sử dụng	Thời gian khấu hao	Nguyên giá (VND)	Xuất xứ
3.	Cần trục bánh xích Hitachi	15-07-2009	5 năm	3.371.428.571	Nhật Bản
4.	Máy khoan hầm Atlas Copco Boomer L2D	30-11-2015	7 năm	12.708.233.314	Ấn Độ
5.	Máy khoan hầm Atlas Copco Boomer L2D	13-11-2015	7 năm	13.279.309.718	Ấn Độ
6.	Trạm nghiền sàng đá 150 tấn/h	25-02-2016	6 năm	3.136.363.636	Việt Nam
7.	Máy đào bánh lốp Volvo EW145B	29-07-2016	6 năm	1.345.454.545	Hàn Quốc
8.	Xe xúc lật bánh lốp chuyên dụng xúc hầm Komatsu WA470-5T	11-08-2016	6 năm	1.954.545.455	Nhật Bản
9.	Máy rải bê tông nhãn hiệu BID-WELL	30-09-2016	8 năm	1.848.032.365	Mỹ

Nguồn: Công ty Cổ phần Đạt Phương

Bảng 34: Danh mục đất đai, bất động sản Công ty đang sở hữu hoặc sử dụng

TT	Địa chỉ	Diện tích	Tình trạng	Mục đích sử dụng
1	Tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	556 m^2	Thuê đất	Làm trụ sở
2	Nhà máy Thủy điện Sông Bung 6	101 ha	Đang làm thủ tục nhận sở hữu	Công trình thủy điện
3	Nhà máy Thủy điện Sơn Trà 1	102,43 ha	Đang làm thủ tục nhận sở hữu	Công trình thủy điện
4	Dự án Khu đô thị Võng Nhi tại xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An, Quảng Nam	15,6 ha	Đã được giao đất	Bất động sản đầu tư

TT	Địa chỉ	Diện tích	Tình trạng	Mục đích sử dụng
5	Dự án Khu đô thị Đồng Nà (hoặc Bến Trễ) tại thôn Đồng Nà, Xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, Quảng Nam	6,0 ha	Đang giải phóng mặt bằng	Bất động sản đầu tư
6	Dự án Khu đô thị Cồn Tiến tại thôn Cồn Tiến, xã Cẩm Thanh, Hội An	30 ha	Xin chấp thuận chủ trương đầu tư	Bất động sản đầu tư
7	Dự án Khu đô thị Nồi Rang tại xã Duy Nghĩa huyện Duy Xuyên, Quảng Nam	25 ha	Xin chấp thuận chủ trương đầu tư	Bất động sản đầu tư
8	Dự án Khu dịch vụ nghỉ dưỡng Bình Dương tại xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	183 ha	Đang giải phóng mặt bằng	Bất động sản đầu tư

14 Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018- 2019

Bảng 35: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018 – 2019

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018		Năm 2019	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018
Doanh thu thuần	1.410.359	1.996.352	41,55%	2.683.404	34,42%
LNST của cổ đông Công ty mẹ	157.647	188.935	19,85%	296.510	56,94%
Vốn chủ sở hữu	880.611	1.045.546	18,73%	1.273.056	21,76%
Tỷ suất LNST của cổ đông công ty mẹ /DTT (%)	11,18%	18,1%	6,89%	11,0%	-7,05%
Tỷ suất LNST của cổ đông công ty mẹ/Vốn CSH bình	29,30%	19,62%	-9,68%	25,6%	5,96%

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018		Năm 2019	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018
quân					
Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	23%	Dự kiến 15% - 20%		Dự kiến 15% - 20%	

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; Kế hoạch 2019 do Ban lãnh đạo dự kiến

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

❖ **Căn cứ**

Công ty xác định năm 2018 và các năm tiếp theo vẫn là những năm còn nhiều khó khăn về vốn cho xây dựng cơ bản, vì vậy Công ty ưu tiên tiếp cận các công trình có vốn rõ ràng, có vốn đủ cho cả dự án, đặc biệt là các công trình có vốn vay ODA từ nước ngoài như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Châu Á, Tổ chức JICA...Đồng thời các dự án đòi hỏi công nghệ cao và có quy mô lớn như đường cao tốc, đường hầm – metro...sẽ là các mục tiêu của Công ty trong thời gian tới. Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên, Công ty đã xây dựng chi tiết phương án và các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như sau:

➢ **Công tác điều hành sản xuất**

- Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng công tác Quản lý dự án. Với những công trình có quy mô lớn sẽ thành lập Ban quản lý dự án, tăng cường phạm vi phân quyền cho Giám đốc dự án, trưởng các phòng QLDA.
- Đối với các dự án không thành lập Ban điều hành thì giao công ty con quản lý điều hành theo phương châm khuyến khích công tác khoán cho đội sản xuất, người lao động.
- Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ từ: Chất lượng - Tiến độ - Thẩm mỹ của công trình, luôn kiểm soát chặt chẽ tài chính, kinh tế của dự án.
- Nâng cao vai trò Quản lý dự án, ưu tiên đầu tư con người, đào tạo công nghệ, quản lý để đưa công tác quản lý dự án thành chuyên nghiệp, hiệu quả phù hợp với mô hình là Công ty mẹ, đáp ứng được vai trò Tổng thầu.
- Mở rộng hợp tác với các nhà thầu phụ xây lắp được xác định là đối tác chiến lược, với các đối tác này công ty sẽ quản lý dự án, cung cấp vật tư chính, giao nhà thầu phụ nhận thi công mục nhân công, vật tư phụ.

- Tiếp tục công tác khoán quỹ lương cho toàn bộ khối văn phòng Công ty, và định hướng khoán quỹ lương cho Ban điều hành dự án.
- Dự kiến phát điện tổ máy số 1 của Thủy điện Sơn Trà 1A và 1B vào tháng 05/2018 và tổ máy số 02 vào tháng 06/2018.

➢ **Công tác quản trị nhân lực:**

- Thường xuyên đánh giá lại cán bộ và đánh giá khả năng, năng lực để bố trí công việc hợp lý hơn, mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ, những công nhân có trình độ, nhiệt huyết vào những vị trí quản lý, lãnh đạo.
- Tuyển dụng bổ sung các vị trí quản lý, cán bộ chuyên môn có trình độ, năng lực, giàu kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Chỉ đạo thực hiện tốt chính sách thu hút nhân lực, giữ chân người tài bằng các giải pháp như thực hiện triệt để công tác tuyển dụng, sàng lọc lao động, nâng cao điều kiện làm việc, nâng cáo mức thu nhập cho cán bộ nhân viên, sự dụng quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động đảm bảo hiệu quả, công bằng, linh hoạt.

➢ **Công tác thị trường**

- Xác định năm 2018 và các năm tiếp theo là những năm còn nhiều khó khăn về XDCB, vì vậy tập trung ưu tiên tiếp cận các công trình có vốn rõ ràng, có vốn đủ cho cả dự án, đặc biệt là các công trình sự dụng nguồn vốn vay ODA từ nước ngoài như JICA, WB, ADB.
- Giữ và xây dựng tốt mối quan hệ với các thị trường đã có như Các Ban QLDA Bộ Giao thông, Tổng cục Đường bộ VN, các tỉnh thành trên toàn quốc. Đồng thời tiếp cận các thị trường đòi hỏi công nghệ cao, có quy mô lớn như: Đường cao tốc, đường hầm – Metro,..
- Thực hiện nghiêm túc về việc xây dựng hình ảnh doanh nghiệp từ văn phòng Công ty, chi nhánh văn phòng, văn phòng đại diện đến các đơn vị sản xuất đảm bảo tính nhất quán, phù hợp với bộ nhận diện thương hiệu của Công ty đã được phê duyệt.

➢ **Giải pháp về công nghệ**

- Đầu tư tìm kiếm các công nghệ thi công mới, hiện đại, tiếp cận hoặc tham gia thi công bằng các công nghệ mới của các doanh nghiệp nước ngoài để học hỏi, chuyển giao nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, nâng cao vị thế cạnh tranh.

➢ **Giải pháp về tài chính**

- Xác định nguồn vốn chủ đạo cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là từ hoạt động xây lắp, do đó tập trung chỉ đạo tốt công tác điều chỉnh giá, nghiệm thu, thanh toán nhằm rút ngắn thời gian thu hồi vốn, tăng số vòng quay của vốn trong hoạt động xây lắp.
- Lợi nhuận hàng năm của Công ty một phần dùng để chi trả cổ tức cho các cổ đông, phần

còn lại dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh và tái đầu tư cho các dự án đầu tư dài hạn.

❖ **Kế hoạch tăng vốn điều lệ**

Đến thời điểm nộp hồ sơ, Công ty chưa có bất cứ kế hoạch tăng vốn nào khác.

❖ **Kế hoạch đầu tư**

Dự án Thủy điện Sơn Trà 1

Dự án thủy điện Sơn Trà 1 bao gồm hai nhà máy: Nhà máy thủy điện Sơn Trà 1A có công suất lắp máy 30MW và Nhà máy thủy điện Sơn Trà 1B có công suất lắp máy 30MW có nhiệm vụ chính là phát điện. Với tổng công suất lắp đặt 60MW, hàng năm nhà máy sản xuất 219,8 triệu kWh cung cấp cho hệ thống điện Việt Nam. Công trình thủy điện Sơn Trà 1A xây dựng trên trên nhánh sông Đak Sê Lô tại xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà và xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng mức đầu tư là 1.964,8 tỷ đồng. Dự kiến nhà máy sẽ phát điện trong tháng 06 năm 2018.

Các dự án Bất động sản

Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2017/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2017 đã thông qua chủ trương đầu tư các dự án bất động sản tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, bao gồm các dự án: Võng Nhi, Đồng Nà, Cồn Tiến, Nồi Rang và Bình Dương.

a. **Dự án Khu đô thị Võng Nhi;**

Hình 15: Khu đô thị Võng Nhi

- Địa điểm: xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An, Quảng Nam
- Diện tích dự án: 15,6ha
- Mục tiêu dự án: xây dựng hạ tầng, biệt thự nghĩ dưỡng, khách sạn

- Căn cứ pháp lý: Công văn số 5517/UBND-KTN ngày 12/10/2017 chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở Khu đô thị Võng Nhi
- Tiến độ dự án: đang trình cơ quan ban ngành phê duyệt giá đất; dự kiến thi công xong toàn bộ phần hạ tầng vào tháng 07/2018; dự kiến mở bán đợt 01 vào tháng 06/2018;

b. Dự án Khu đô thị Dịch vụ Đồng Nà;

- Địa điểm: thôn Đồng Nà, Xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, Quảng Nam
- Diện tích dự án: 6,0 ha
- Mục tiêu dự án: xây dựng hạ tầng, biệt thự nghĩ dưỡng, khách sạn condotel
- Căn cứ pháp lý: Công văn số 5995/UBND-KTN ngày 01/11/2017 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở Khu đô thị dịch vụ Đồng Nà.
- Tiến độ dự án: cơ bản giải phóng xong mặt bằng (còn 02 hộ); đang trình các cơ quan ban ngành hồ sơ thiết kế hạ tầng;

Hình 16: Khu đô thị dịch vụ Đồng Nà, Cẩm Hà, Hội An

c. Dự án Khu đô thị Cồn Tiến

- Địa điểm: thôn Cồn Tiến, xã Cẩm Thanh, Hội An
- Diện tích dự án: 30 ha
- Mục tiêu dự án: xây dựng hạ tầng, biệt thự nghĩ dưỡng, khách sạn
- Tiến độ dự án: đang xin chấp thuận chủ trương đầu tư; đã phê duyệt phương án giải phóng mặt bằng đợt 1
- Kế hoạch 2018: giải phóng xong mặt bằng; duyệt xong giá đất; thi công xong toàn bộ hạ tầng;

Hình 17: Khu đô thị Cồn Tiến

d. Dự án Khu đô thị Nồi Rang

- Địa điểm: xã Duy Nghĩa huyện Duy Xuyên, Quảng Nam
- Diện tích dự án: 25 ha
- Mục tiêu dự án: xây dựng hạ tầng, biệt thự nghĩ dưỡng, khách sạn
- Tiến độ dự án: Công văn số 7323/UBND-KTN ngày 27/12/2017 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị Nồi Rang
- Kế hoạch 2018: giải phóng xong mặt bằng; duyệt xong giá đất; thi công xong toàn bộ hạ tầng;

Hình 18: Khu đô thị Nồi Rang, xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam

e. Dự án Khu dịch vụ nghỉ dưỡng Bình Dương

- Địa điểm: xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

- Diện tích dự án: 183 ha
- Mục tiêu dự án: xây dựng hạ tầng, biệt thự nghỉ dưỡng, khách sạn
- Căn cứ pháp lý: Quyết định chủ trương đầu tư số 958/QĐ-UBND ngày 24/03/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam
- Tiến độ dự án: đang thực hiện giải phóng mặt bằng, đang trình thiết kế bản vẽ thi công phần hạ tầng
- Kế hoạch 2018: giải phóng xong mặt bằng giai đoạn 1 dự án; duyệt xong hồ sơ thiết kế hạ tầng;

Hình 19: Khu Dịch vụ nghĩ dưỡng Bình Dương, Quảng Nam

15 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập và xem xét các thông tin về hoạt động kinh doanh do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. CTCP Đạt Phương đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho SSI và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của CTCP Đạt Phương được xây dựng dựa trên tiềm lực thực tế của công ty và tiềm năng tăng trưởng của xây dựng và thủy điện. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2018 của Công ty đưa ra có thể thực hiện được nếu các hợp đồng của Công ty được thực hiện theo đúng dự kiến và không có những biến động

lớn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắc cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của CTCP Đạt Phương.

16 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có

17 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá chứng khoán

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

29.999.962 cổ phiếu (Bằng chữ: hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi hai cổ phiếu)

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

Trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2017, số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết được phân phối cho 02 nhà đầu tư. Số lượng cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm từ ngày 28/09/2017 đến ngày 28/09/2018. Chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	SCLP bị hạn chế chuyển nhượng
1.	Nguyễn Văn Hưởng	1.000
2.	Đỗ Mạnh Hùng	1.374
	Tổng cộng	2.374

Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, theo quy định tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và quy chế niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Bảng 36: Danh sách hạn chế chuyển nhượng 06 tháng và 01 năm kể từ ngày niêm yết

STT	Họ và tên	Chức vụ	06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
Hội đồng Quản trị				
1.	Lương Minh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	4.782.694	2.391.347
2.	Phạm Kim Châu	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.990.227	995.113
3.	Phạm Quang Bình	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	746.466	373.233
4.	Lương Thị Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị	2.726.530	1.363.265
5.	Trần Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.732.730	866.365
Ban Kiểm soát				
1.	Vũ Văn Phi	Trưởng Ban kiểm soát	313.788	156.894
2.	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát	32.890	16.445
3.	Nguyễn Thị Hồng Điệp	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Ban Tổng Giám đốc				
1.	Phạm Quang Bình	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	Đã trình bày ở trên	
2.	Phạm Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT	Đã trình bày ở trên	
3.	Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	Đã trình bày ở trên	
4.	Lê Ngọc Hào	Phó Tổng Giám đốc	428.485	214.242
5.	Trần Thái Lợi	Phó Tổng Giám đốc	22.770	11.385
6.	Ngô Đức Tình	Phó Tổng Giám đốc	-	-

STT	Họ và tên	Chức vụ	06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
Phòng Tài chính – Kế toán				
1.	Đỗ Thị Thu	Phụ trách phòng	40.800	20.400
Toàn bộ cổ đông lớn là các thành viên HĐQT (đã liệt kê ở trên)				
	Tổng cộng		**12.817.380**	**6.408.689**

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đạt Phương được căn cứ trên (i) Phương pháp Giá trị sổ sách, (ii) Phương pháp so sánh P/E với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết, (iii) Phương pháp so sánh P/B với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết và (iv) Phương pháp bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu Đạt Phương trong 20 phiên giao dịch cuối cùng tại sàn giao dịch UPCOM.

(i) Phương pháp Giá trị sổ sách

Bảng 37: Giá trị sổ sách

Đơn vị tính: đồng

Chi tiết	Công thức	31/12/2016	31/12/2017
Vốn chủ sở hữu	A	581.007.678.262	880.610.621.627
Lợi ích của cổ đông thiểu số	B	146.702.230.381	238.937.842.807
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	C	6.587.652	11.857.738
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	= (A – B) / C	65.927	54.114

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 - DPG

(ii) Phương pháp so sánh P/E

Phương pháp này được tính toán dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và lợi nhuận ròng trên mỗi cổ phần của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh khá tương đồng với DPG đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Công thức định giá

$P = P = EPS * P/E_{bq}$ trong đó

- ✓ P: Giá cổ phiếu
- ✓ EPS: lợi nhuận thu được trên mỗi cổ phần

✓ P/E_{bq}: Hệ số giá / EPS

Các công ty dùng để so sánh với DPG được trình bày trong bảng sau đây:

Công ty	Mã cổ phiếu	EPS 31/12/2017	Thị giá ngày 27/04/2018	Chỉ số P/E
		A	B	= B/A
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	CTI	2.598	31.800	12,24
CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	ISH	1.555	14.000	9,00
CTCP Địa ốc Sài Gòn	SGR	3.194	28.500	8,92
Trung Bình				**10,06**

Nguồn: SSI tổng hợp theo BCTC kiểm toán năm 2017 của các công ty

Theo đó giá cổ phiếu **DPG** được tính toán theo phương pháp P/E như sau:

Giá trị hợp lý sử dụng phương pháp P/E	Đơn vị tính	Giá trị
Hệ số P/E trung bình	Lần	10,06
EPS tại BCTC kiểm toán 31/12/2017	VND/Cổ phần	5.277
Giá cổ phần	**VND**	**53.063**

(iii) Phương pháp so sánh P/B

Phương pháp này được tính toán dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh khá tương đồng với DPG đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Công thức định giá:

$P = GTSS * P/B_{bq}$ trong đó

✓ P: Giá cổ phiếu

✓ GTSS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

✓ P/B_{bq}: Hệ số giá / GTSS

Các công ty dùng để so sánh với DPG được trình bày trong bảng sau đây:

Công ty	Mã cổ phiếu	Chỉ số P/B
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	CTI	1,42
CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	ISH	1,16
CTCP Địa ốc Sài Gòn	SGR	1,95
Trung Bình		**1,51**

Nguồn: SSI tổng hợp theo BCTC kiểm toán năm 2017 của các công ty

Theo đó giá cổ phiếu **DPG** được tính toán theo phương pháp P/B như sau:

Giá trị hợp lý sử dụng phương pháp P/B	Đơn vị tính	Giá trị
Hệ số P/B trung bình	Lần	1,51
Giá trị sổ sách của DPG tại 31/12/2017	VND/Cổ phần	54.114
Giá cổ phần	**VND**	**82.165**

(iv) Phương pháp trung bình giá thị trường

Bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu Đạt Phương trong 20 phiên giao dịch gần nhất tính đến ngày 27/04/2018 là 55.950 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm hiện tại và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty Cổ phần Đạt Phương sẽ lấy bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu Đạt Phương trong 20 phiên giao dịch cuối cùng tại Sàn giao dịch UPCOM để làm giá tham khảo tại ngày niêm yết đầu tiên tại HSX.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đạt Phương đối với người nước ngoài sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Điều 2 Nghị định 60/NĐ-CP/2015 ban hành ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty đại chúng được quy định như sau:

a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c nói trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Hiện nay các ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Đạt Phương không thuộc trường hợp hạn chế tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Do các văn bản pháp luật đang trong quá trình điều chỉnh và hoàn thiện, đồng thời, với định hướng phát triển hiện tại, Công ty định hướng áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật là tối đa 49% .

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty tại ngày 05/03/2018 là 0,023% số lượng cổ phần đang lưu hành.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Đối với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ "*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày*

25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính" thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ là 20%.

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất. kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của *Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi. bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế* và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là: 10%

7.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
  - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
  - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0.1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
  - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0.1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:
  - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
  - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng

vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

+ Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

+ Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI)

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền. Quận Hoàn Kiếm. Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3936 6321 Fax: (84-24) 3936 6311

Website: http://www.ssi.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-24) 37367879 Fax: (84-4) 37367869

Website: http:/a-c.com.vn/

VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

TT	Tài liệu
I.	**Các quy định chung**
1	Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014
2	Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013
3	Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014
4	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014
5	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 11/12/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư
III.	**Các văn bản thuế**
1	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008
2	Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
3	Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
IV.	**Các văn bản liên quan đến hoạt động chứng khoán**
1	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 Luật chứng khoán số 62/2010/QH12
2	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/ND-CP ngày 20 tháng 7 nărn 2012 của Chính phủ quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
3	Thông tư số 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
4	Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

VIII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2016 và năm 2017

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LƯƠNG MINH TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM QUANG BÌNH

PHỤ TRÁCH PHÒNG KẾ TOÁN

ĐỖ THỊ THU

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

VŨ VĂN PHI

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ PHÍA BẮC

NGUYỄN NGỌC ANH

Scanned with CamScanner